

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Sau 15 năm thực hiện chương trình mía đường quốc gia và 4 năm thực hiện Quyết định số 26/2007/QĐ-TTg ngày 15/2/2007 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch phát triển mía đường đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020. Ngành đường Việt Nam đã đạt được nhiều thành công nhất định. Đến nay, cả nước có 40 nhà máy đường đang hoạt động với tổng công suất 105.750 TMN. Hàng năm tạo ra giá trị sản lượng trên 18.000 tỷ đồng. Giải quyết việc làm cho hơn 1 triệu lao động, giúp nông dân khai hoang phục hóa, chuyển dịch cơ cấu cây trồng trên 200.000 ha. Đáp ứng cơ bản đủ nhu cầu tiêu thụ đường trong nước, tiết kiệm được hàng trăm triệu USD để nhập khẩu đường. Góp phần phát triển kinh tế xã hội ở các địa phương: vùng nông thôn, trung du miền núi, vùng sâu vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Hầu hết các nhà máy đường đến nay đều sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả (Nguồn số liệu: Hội thảo phát triển cây mía và cây điều, TP HCM ngày 15/2/2011)

Bên cạnh đó, ngành đường vẫn còn những hạn chế cơ bản như vẫn còn nhiều nhà máy đường không đủ nguyên liệu sản xuất, năng suất nông nghiệp và chế biến công nghiệp còn rất thấp, thiết bị cũ, lạc hậu, quy mô công suất nhỏ (Bình quân < 2.500 TMN) so với các nước trong khu vực và trên thế giới nên khả năng cạnh tranh kém. Theo quy hoạch phát triển đến 2010 của quyết định 26/2007/QĐ-TTg, đến nay ngoài chỉ tiêu công suất nhà máy đã đạt (105.750 TMN/105.000TMN) tất cả các chỉ tiêu về diện tích, năng suất, sản lượng đường, CCS bình quân đều không đạt so với yêu cầu mà Quyết định 26 đã đề ra. Hội nghị tổng kết niên vụ mía đường 2010/2011 (ngày 15/7/2011 tại TPHCM) đã chỉ ra nguyên nhân cơ bản là do các địa phương chưa quan tâm đến công tác quy hoạch phát triển nên địa phương và các nhà máy đường chưa lập và triển khai các dự án phát triển vùng nguyên liệu.

Trong các doanh nghiệp sản xuất, nguyên liệu đầu vào là một trong những yếu tố quyết định đến hiệu quả sản xuất kinh doanh, quyết định đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Đối với ngành chế biến đường Việt Nam, mía cây là nguyên liệu chính. Muốn có đủ nguyên liệu sản xuất, phát huy tối đa công suất thiết kế, phải gắn liền với việc quy

hoạch, phát triển vùng nguyên liệu tập trung, ổn định về diện tích, sản lượng và chất lượng mía.

Trong xu thế chung của đất nước, của ngành đường trong quá trình hội nhập vào nền kinh tế quốc tế, nhằm hạ giá thành, nâng cao năng lực cạnh tranh, Công ty cổ phần mía đường 333 xây dựng dự án mở rộng quy mô sản xuất, nâng công suất chế biến từ 1.800 tấn mía ngày lên 2.500 tấn mía ngày giai đoạn 2011-2015. Song hành cùng dự án trên, việc mở rộng vùng nguyên liệu để đảm bảo cung ứng đủ nguyên liệu cho Nhà máy đường sản xuất, khai thác tối đa năng lực chế biến trở nên cấp thiết, quyết định đến sự thành công của dự án.

Xuất phát từ thực tiễn trên, tôi chọn đề tài “ Xây dựng- phát triển vùng nguyên liệu giai đoạn năm 2011-2015 của Công ty cổ phần mía đường 333” làm chuyên đề tốt nghiệp lớp giám đốc doanh nghiệp khóa 27

2. Mục tiêu nghiên cứu :

2.1. Mục tiêu chung:

Xây dựng & phát triển vùng nguyên liệu nhằm đáp ứng đủ nguyên liệu mía cho Nhà máy.

2.2. Mục tiêu cụ thể :

- Nghiên cứu thực trạng, phát hiện vấn đề cần giải quyết của vùng nguyên liệu làm cơ sở cho việc lập kế hoạch phát triển nguyên liệu từ 4.700 ha lên 7.000 ha từ 2011-2015.
- Các giải pháp hoàn thiện công tác xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu.

3. Đối tượng nghiên cứu :

Vùng nguyên liệu của Công ty CP mía đường 333 và các HTX, tổ đội, hộ trồng mía.

4. Phương pháp nghiên cứu :

+ Thu thập số liệu sơ cấp từ điều tra thực tế các đối tượng trồng mía. Số liệu thứ cấp từ thông tin ngành đường, số liệu của phòng nông vụ, kế toán

+ Xử lý số liệu đã thu thập

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NGUYÊN LIỆU MÍA ĐƯỜNG

1.1. CHUỖI GIÁ TRỊ TRONG QUY TRÌNH SẢN XUẤT CHẾ BIẾN MÍA ĐƯỜNG

1.1.1. Khái niệm chuỗi giá trị :

Theo Bách khoa toàn thư mở Wikipedia: “Chuỗi giá trị là chuỗi của các hoạt động. Sản phẩm đi qua tất cả các hoạt động của các chuỗi theo thứ tự và tại mỗi hoạt động sản phẩm thu được một số giá trị nào đó. Chuỗi các hoạt động cung cấp cho các sản phẩm nhiều giá trị gia tăng hơn tổng giá trị gia tăng của tất cả các hoạt động cộng lại”.

Chuỗi các hoạt động bao gồm toàn bộ quá trình cung ứng, sản xuất, chế biến, lưu thông và phân phối hàng hóa. Mỗi khâu đều làm tăng thêm giá trị sản phẩm và liên kết với nhau tạo thành chuỗi giá trị.

Đối với ngành sản xuất chế biến mía đường, chuỗi giá trị là sự tương tác, liên kết kinh tế giữa nông nghiệp, công nghiệp chế biến và dịch vụ – Giữa người nông dân trồng mía, doanh nghiệp sản xuất chế biến, phân phối tiêu thụ sản phẩm đường từ mía và các tác nhân liên quan khác tham gia vào quá trình làm gia tăng giá trị của cây mía, của sản phẩm đường qua từng khâu của quá trình nói trên.

1.1.2. Vị trí của mía nguyên liệu trong chuỗi giá trị:

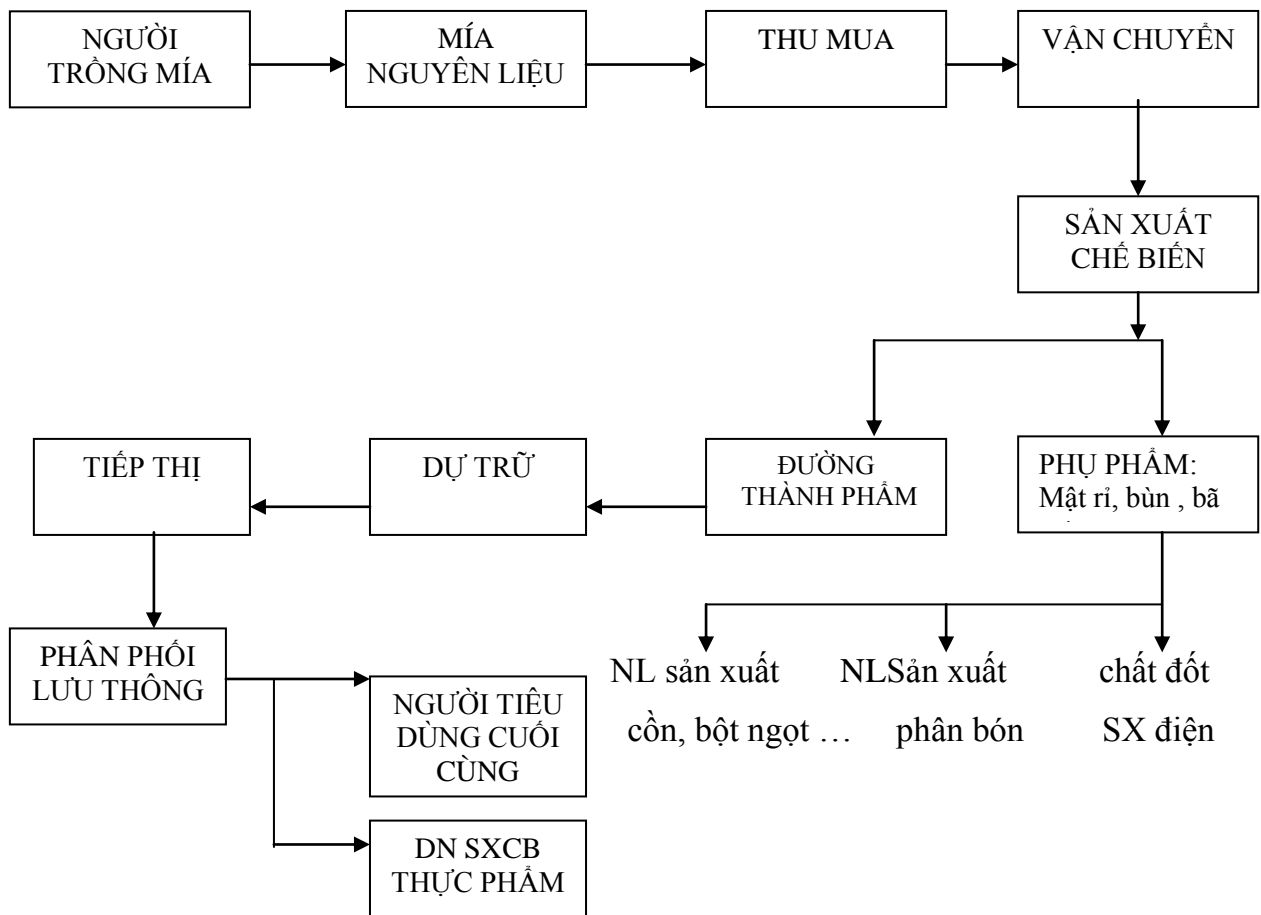
Cây mía, ngoài một số ít chế biến nước ép giải khát, làm thuốc... phần lớn làm nguyên liệu để sản xuất đường. Mía từ khi xuống giống đến khi thu hoạch là một quy trình khép kín từ khâu làm đất → xuống giống → chăm sóc: bón phân, tưới nước, diệt sâu bệnh, cỏ dại.. → tổ chức thu hoạch → mía nguyên liệu.

“ Mía khi thu hoạch chỉ là 1 sản phẩm trung gian, ở nông hộ tự thân mía không thể gia tăng giá trị mà phải trải qua quá trình vận chuyển, chế biến (thành đường và các sản phẩm khác), dự trữ, tiếp thị ... đến người tiêu dùng để tăng thêm giá trị” (Hồ Cao Việt, 2010).

Mía là nguồn nguyên liệu chủ yếu, chiếm đến 72% giá thành sản xuất đường. Là khâu đầu tiên của quy trình sản xuất có ảnh hưởng lớn đến chất lượng sản phẩm, và hiệu quả chế biến đường. Việc cung ứng đủ nguyên liệu mía đảm bảo cho Nhà máy

đường hoạt động, phát huy hết công suất thiết kế là điều kiện mang tính quyết định đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp chế biến. Tạo nguồn thu nhập ổn định cho người trồng mía, người lao động trong khu vực và các doanh nghiệp khác nằm trong hệ thống của chuỗi giá trị ngành mía đường.

Sơ đồ chuỗi giá trị ngành hàng mía đường :



1.2. Ý NGHĨA CỦA VÙNG NGUYÊN LIỆU ĐỐI VỚI NGÀNH CHẾ BIẾN ĐƯỜNG

1.2.1. Những đặc điểm của ngành công nghiệp chế biến đường:

Ở Việt Nam, mía là nguyên liệu duy nhất trong ngành công nghiệp chế biến đường. Đặc trưng chung trong ngành công nghiệp chế biến, nguyên liệu trải qua một quá trình chế biến bằng máy móc, thiết bị và quy trình công nghệ theo chủ đích của nhà sản xuất, nhằm biến đổi nguyên liệu đầu vào thành thành phẩm, bán thành phẩm có giá trị kinh tế cao hơn so với nguồn nguyên liệu thô ban đầu. Ngành công nghiệp chế biến đường vừa mang những đặc trưng chung của công nghiệp chế biến nông sản, vừa có những đặc điểm riêng khác biệt:

1.2.1.1. Đặc điểm về công nghệ:

Hiện nay, trên thế giới đang áp dụng phổ biến các loại quy trình công nghệ sản xuất đường .

- Quy trình sản xuất đường thô
- Quy trình sản xuất đường trắng (RS)
- Quy trình sản xuất đường tinh luyện (RE)

Tùy theo điều kiện về nguồn vốn đầu tư, hiện trạng của máy móc thiết bị, yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng, nhu cầu của thị trường mà người ta lựa chọn quy trình sản xuất khác nhau. Sự khác biệt giữa các quy trình công nghệ chủ yếu là ở phương pháp làm sạch nước mía. Có nhiều phương pháp làm sạch nước mía hiện nay như : Phương pháp Các-bo-nát hóa; Phương pháp sun-fít hóa; Phương pháp kết hợp Các-bo-nát và sunfít hóa; Kết hợp Cát-bônát và trao đổi ion; Phương pháp Blanco Director; Phương pháp SAT

Dù áp dụng phương pháp nào , quy trình chung của công nghệ chế biến đường cũng theo các bước như sau : Mía nguyên liệu → Xử lý mía → Trích li nước mía → làm sạch nước mía → Cô đặc nước mía → chèn đặc → nấu đường → kết tinh → li tâm, sấy, đóng bao → đường thành phẩm.

Mỗi quy trình công nghệ khác nhau sẽ cho ra thành phẩm có chất lượng, giá thành và giá bán khác nhau. Hiện nay ở Việt Nam, ngoài một số Nhà máy xây dựng mới gần đây có công suất lớn và hiện đại đủ điều kiện sản xuất đường tinh luyện RE, hầu hết các Nhà máy đường đều sản xuất đường trắng RS theo phương pháp Sun-fít hóa theo tiêu chuẩn VN 6959:2011. Ưu điểm của phương pháp này là chi phí đầu tư thiết bị thấp, vận hành và quản lý thiết bị đơn giản. Nhược điểm: hệ số ăn mòn thiết bị lớn, dư lượng SO₂ trong đường thành phẩm cao, hạn chế về thời gian bảo quản.

1.2.1.2. Đặc điểm về nguyên liệu mía :

- Đặc điểm sinh học :

Mía có tên khoa học là saccharum ssp. Thuộc họ Graminaea (Họ Hòa thảo) là cây trồng có khả năng tái sinh mạnh, chu kỳ sản xuất từ 3 đến 4 năm gồm 1 vụ mía tơ và 2-3 vụ mía gốc. Tùy theo nhóm giống chín sớm, chín trung bình hoặc chín muộn, thời gian sinh trưởng từ lúc trồng hoặc tái sinh gốc đến khi thu hoạch trung bình từ 10 đến 12 tháng. Chu kỳ sinh trưởng gồm 4 thời kỳ chính:

- + Thời kỳ mọc mầm: Cây non mọc lên, rễ sơ sinh bắt đầu phát triển

+ Thời kỳ đẻ nhánh: Thời kỳ đẻ nhánh rất quan trọng vì nó có quan hệ trực tiếp đến mật độ cây, một trong hai yếu tố quyết định năng suất của ruộng mía.

+ Thời kỳ vươn lóng: Quyết định đến độ lớn của cây mía, tác động lớn đến năng suất và chất lượng mía, thời kỳ này mía cần được chăm sóc tốt

+ Thời kỳ mía chín: Ở thời kỳ này tốc độ sinh trưởng chậm lại, tốc độ tích lũy đường tăng nhanh, ruộng mía đã ổn định về cơ bản số cây và độ lớn. Thời điểm bắt đầu cây mía tích lũy đường từ tháng thứ 8 cho đến khi đạt đường ở mức cao nhất khi mía chín hoàn toàn. Sau thời kỳ chín, lượng đường giảm dần cho đến mức thấp nhất, vì vậy nó mang tính mùa vụ rất cao.

Mía là cây trồng nhiệt đới và á nhiệt đới, sức sống cao, khả năng thích ứng rộng nhưng những yếu tố về khí hậu và đất đai đều có ảnh hưởng rất lớn đến quá trình sinh trưởng và phát triển của cây mía:

Về nhiệt độ: Thích hợp trong phạm vi 20-32°C. Nhiệt độ cao quá hoặc thấp quá ảnh hưởng đến sinh trưởng bình thường và giảm tốc độ quang hợp. Thời kỳ mía chín cần nhiệt độ thấp dưới 20°C và biên độ nhiệt lớn giữa ngày và đêm giúp cho quá trình chuyển hóa và tích lũy đường thuận lợi.

Về ánh sáng: Trong cả chu kỳ sinh trưởng cây mía cần khoảng 2.000 – 3.000 giờ chiếu sáng, tối thiểu cũng phải từ 1.200 giờ trở lên

Lượng nước và ẩm độ đất: Trong thân cây mía chứa nhiều nước (70% khối lượng). Lượng mưa thích hợp 1.500 – 2.000 mm/năm, phân bố trong khoảng thời gian từ 8-10 tháng, từ khi cây mía mọc mầm đến thu hoạch

Về đất đai: Cây mía thuộc loại không kén đất, có thể trồng trên các loại đất khác nhau. Đất thích hợp nhất cho cây mía là những loại đất có độ phì nhiêu cao, xốp, sâu, giữ ẩm tốt và dễ thoát nước. Độ pH thích hợp cho mía phát triển tốt là từ 5,5 - 7,5.

Những đặc điểm sinh học trên của cây mía không chỉ ảnh hưởng đến việc bố trí vùng nguyên liệu mía mà còn ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất của vùng mía đó. Vì vậy, không phải vùng đất nào cũng có thể đáp ứng yêu cầu sinh trưởng và phát triển của cây mía để trở thành một vùng nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến một cách tốt nhất.

- **Đặc điểm mía nguyên liệu:** Mía thuộc loại nguyên liệu tươi. Các chỉ tiêu để đánh giá chất lượng mía: mía sạch loại bỏ ngọn non, lá, rễ và các tạp chất khác không phải là mía; Mía phải đủ tuổi chín; Quan trọng nhất là chỉ số đánh giá về chữ đường

(CCS), tức là hàm lượng đường có thể thu hồi thực tế trong sản xuất. CCS trong mía >9,5; AP (độ tinh khiết) nước mía hỗn hợp ≥ 79 . Mía tươi từ khi đốn đến khi đưa vào chế biến không quá 48 giờ. Lượng mía đưa về nhà máy hàng ngày phù hợp với công suất ép nhằm tránh giảm chất lượng mía do để trên sân mía quá lâu. Nếu mía non, khô, nhiều tạp chất - chất lượng kém tạo keo, nhớt gây khó khăn cho các khâu sau mía của quy trình chế biến, việc thực hiện các chỉ tiêu KTKT trở nên khó khăn, phải điều chỉnh chỉ tiêu phù hợp làm giảm hiệu suất tổng thu hồi, giảm chất lượng đường thành phẩm.

Tỷ lệ đường trong mía rất thấp, trung bình khoảng 10% khối lượng mía. Do đó, chi phí vận chuyển nguyên liệu từ nơi sản xuất đến cơ sở chế biến chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành khoảng từ 10% đến 15%. Chính vì vậy Nhà máy chế biến phải được xây dựng gần các vùng nguyên liệu mía tập trung chuyên canh, cự li trung bình dưới 50km, các nhà máy đường muốn giảm chi phí vận tải nguyên liệu phải đặt tại trung tâm vùng nguyên liệu mía. Ngoài ra, hệ thống giao thông vận chuyển mía phải thuận lợi để có thể kịp thời vận chuyển sau khi thu hoạch.

Do điều kiện khí hậu, thời tiết, do đặc điểm, tính chất của cây mía, nên việc trồng và thu hoạch mía mang tính chất thời vụ rất cao. Chất lượng nguyên liệu mía phụ thuộc rất lớn vào giống mía, điều kiện thời tiết, khí hậu, kỹ thuật canh tác mía và công tác thu hoạch, vận chuyển mía. Mùa vụ sản xuất chỉ có thể kéo dài tối đa 6 tháng vào mùa khô.

1.2.2. Các tiêu chí đánh giá một vùng nguyên liệu:

Một nhà máy chế biến đường muốn phát huy hết công suất thiết kế, hiệu quả sản xuất kinh doanh cao. Một nhân tố vô cùng quan trọng là phải có một vùng nguyên liệu tập trung, gần nhà máy, chất lượng, ổn định và phát triển bền vững. Vùng nguyên liệu mía thường được đánh giá thông qua rất nhiều các tiêu chí:

1.2.2.1. Các chỉ tiêu đánh giá quy mô vùng mía nguyên liệu

- **Sự tập trung của vùng chuyên canh mía:** Mía là loại cây có sinh khối lớn, để sản xuất 1 tấn đường trung bình cần đến 10 tấn mía nên chi phí vận chuyển nguyên liệu cao. Nhà máy có công suất 3.000 TMN, phải có vùng nguyên liệu 7.000 ha mới có đủ nguyên liệu sản xuất hết công suất. Một vùng nguyên liệu tập trung, chuyên canh gần nhà máy là điều kiện để giảm chi phí, hạ giá thành nâng cao hiệu quả sản xuất

- **Cơ sở hạ tầng vùng nguyên liệu:**

+ Hạ tầng về giao thông trong vùng nguyên liệu là một trong những yếu tố phụ trợ cần phải tính đến trong việc hình thành nên một vùng nguyên liệu vì với khối lượng vận chuyển lớn, cung đường vận chuyển xa, chi phí vận chuyển mía nguyên liệu rất lớn trong giá thành sản xuất, nên hệ thống giao thông và giao thông nội đồng trong vùng nguyên liệu có ý nghĩa quan trọng trong việc đáp ứng kịp thời mía cho sản xuất và giảm chi phí cho cơ sở chế biến và người trồng mía.

+ Về thủy lợi, đặc điểm sinh học của cây mía là cây tạo sinh khối lớn, cần nhiều nước để phát triển, để đủ nước cho mía, lượng nước từ nước mưa hàng năm tối thiểu phải từ 1.500mm trở lên, phân bố đều trong năm. Từng thời kỳ sinh trưởng, cây mía cần lượng nước khác nhau, nên nếu chủ động được nguồn nước tưới tiềm năng tăng năng suất và chất lượng mía thông qua việc điều tiết lượng nước cho cây mía là rất lớn. Mía có tưới năng suất cao hơn từ 25 đến 30% so với trồng tự nhiên.

+ Sự phát triển của hệ thống các dịch vụ hỗ trợ trong vùng như: thông tin liên lạc, nguồn điện, vật tư nông nghiệp (xăng dầu, phân bón, thuốc trừ sâu,...) cũng phải đảm bảo theo kịp yêu cầu phát triển của vùng nguyên liệu.

- **Sản lượng mía:** Sản lượng mía bao gồm toàn bộ khối lượng sản phẩm mía tạo ra trong năm của toàn vùng mía nguyên liệu. Sản lượng mía hàng hóa là toàn bộ khối lượng mía hàng hóa được thu mua tại các cơ sở chế biến không kể đến những hao hụt trong quá trình thu hoạch và thu mua.

- **Cơ cấu cây trồng và diện tích đất trồng mía:** Là tỷ lệ phần trăm diện tích mía so với tổng diện tích đất nông nghiệp hoặc đất canh trong vùng; Là diện tích đất nông nghiệp dùng để trồng mía của toàn vùng

- Số lượng lao động, giá trị máy móc, nông cụ và tư liệu sản xuất khác tham gia vào sản xuất mía; Số hộ hoặc cơ sở sản xuất kinh doanh tham gia vào sản xuất mía trong vùng.

1.2.2.2. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sản xuất và sự phát triển của vùng mía nguyên liệu

- **Năng suất bình quân :** Là khối lượng trung bình mía sản xuất được trên 1 ha của toàn vùng nguyên liệu mía.

- Khả năng đáp ứng công suất chế biến: Là sản lượng mía mà vùng nguyên liệu cung cấp cho nhà máy so với công suất thiết kế của nhà máy.

- **Chất lượng nguyên liệu mía:** Bao gồm chữ đường(CCS) và phần trăm thu hồi của mía nguyên liệu.

- **Hiệu quả tài chính** của việc trồng mía nguyên liệu đối với từng hộ sản xuất hoặc cơ sở kinh doanh sản xuất mía nguyên liệu trong vùng.

- **Hiệu quả kinh tế xã hội của vùng mía nguyên liệu:** Là hiệu quả tổng hợp về những lợi ích mà vùng mía nguyên liệu tạo ra cho toàn vùng.

1.2.3. Ý nghĩa, vai trò của vùng nguyên liệu đối với ngành công nghiệp chế biến đường:

- Trong quá trình thực chương trình mía đường quốc gia, giai đoạn từ năm 2004 trở về trước, ngoại trừ những năm 1999-2000 xảy ra tình trạng “mía đắng” do chưa đồng bộ giữa cơ sở chế biến và xây dựng vùng nguyên liệu, hầu hết các Nhà máy đường đều thua lỗ chủ yếu do thiếu hụt trầm trọng nguyên liệu, các Nhà máy đường hoạt động cầm chừng, dưới công suất thiết kế, một số nhà máy phải di dời, ngừng hoạt động do không có hoặc vùng nguyên liệu không tương thích với quy mô sản xuất.

- Sự phát triển của ngành công nghiệp chế biến đường của thế giới và ở Việt Nam đã chứng minh hiệu quả của chế biến tỷ lệ thuận với quy mô sản xuất có tính đến các yếu tố về khả năng đáp ứng đủ nguyên liệu cho sản xuất, về tiết kiệm chi phí sản xuất thông qua việc hạ giá thành nguyên liệu, tăng khả năng thu hồi đường trong mía.

- Việc hình thành các vùng nguyên liệu được quy hoạch tập trung, được đầu tư đúng mức để sản xuất mía đáp ứng nhu cầu về nguyên liệu phù hợp với quy mô công suất chế biến có tính đến các yếu tố về năng suất, chất lượng để đảm bảo thu nhập cho người trồng mía là điều kiện rất quan trọng để các Nhà máy chế biến đường có thể tồn tại và phát triển.

- Vùng nguyên liệu và Nhà máy chế biến đường có mối quan hệ phụ thuộc chặt chẽ với nhau. Do khối lượng vận chuyển lớn, chi phí vận chuyển cao, nên mỗi vùng nguyên liệu chỉ có thể bán được mía cho một hoặc một vài Nhà máy chế biến nhất định trong khu vực khi vào vụ thu hoạch. Những biến động về tình hình sản xuất của Nhà máy đều tác động trực tiếp đến vùng nguyên liệu. Vì vậy luôn phải có sự gắn kết giữa Nhà máy chế biến đường với vùng nguyên liệu.

Sản xuất nguyên liệu- Chế biến đường mía có tính thời vụ rất cao. Thời gian thu hoạch từ khi mía chín cho đến khi mía giảm mạnh chất lượng là có hạn. Trong khi đó

có nhiều yếu tố tác động đến việc có thu hoạch kịp thời hay không như: Yếu tố thời tiết, nguồn lao động, đường giao thông, phương tiện vận tải và khả năng tiêu thụ nguyên liệu của Nhà máy. Cần phải có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các khâu trong chuỗi giá trị ngành hàng này.

Mặt khác, đặc điểm công nghệ của sản xuất đường là thiết bị chuyên dùng, công nghệ phức tạp. Nhà máy đường không thể dùng dây chuyền này để sản xuất các sản phẩm từ nguồn nguyên liệu khác (như các nhà máy chế biến nông sản: thức ăn gia súc, hoa quả, nước giải khát...) khi không đủ nguyên liệu mía để sản xuất.

Có thể kết luận rằng: Hoạt động của các Nhà máy chế biến đường phụ thuộc rất lớn vào khả năng đáp ứng đủ nguyên liệu về số lượng, chất lượng, thời gian cung cấp của vùng nguyên liệu.

1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC XÂY DỰNG VÙNG NGUYÊN LIỆU.

1.3.1. Các chính sách của Nhà nước và định hướng phát triển của địa phương:

Chính sách của Nhà nước là sự can thiệp của Nhà nước đến các hoạt động kinh tế xã hội theo những mục tiêu nhất định trong những điều kiện nhất định. Đối với sản xuất nông nghiệp, do đặc điểm sản xuất và vai trò sản phẩm, các chính sách thường theo hướng khuyến khích, hỗ trợ phát triển trực tiếp về vật chất, kỹ thuật hoặc hỗ trợ gián tiếp thông qua tạo lập môi trường pháp lý, môi trường kinh tế.

Đối với vùng nguyên liệu mía thì các chính sách hỗ trợ của Nhà nước và định hướng của chính quyền địa phương đóng vai trò là động lực cho phát triển. Liên quan đến các yếu tố của quá trình sản xuất mía nguyên liệu như quy hoạch sử dụng đất đai, nguồn nhân lực, vốn đầu tư, tín dụng, phát triển cơ sở hạ tầng, khoa học công nghệ, tiêu thụ sản phẩm.

1.3.2. Công tác quy hoạch vùng nguyên liệu:

Để chủ động nguyên liệu, các Nhà máy chế biến phải phối hợp với địa phương tổ chức quy hoạch vùng nguyên liệu dựa trên các điều kiện về: quỹ đất, về năng lực chế biến, về vốn đầu tư, các điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội trong vùng. Quy hoạch phải đảm bảo mía nguyên liệu sản xuất ra phải được tiêu thụ hết, không gây ra sự mất cân đối giữa nhà máy chế biến đường và vùng nguyên liệu. Tránh quy hoạch chồng chéo gây ra hiện tượng tranh chấp nguyên liệu giữa các nhà máy hay nguyên liệu mía sản xuất ra không tiêu thụ được. Khai thác và sử dụng có hiệu quả tiềm năng

và lợi thế đất đai, lao động. Hình thành các vùng chuyên canh tập trung, tăng cường đầu tư thâm canh để nâng cao năng suất, chất lượng mía để nâng cao hiệu quả trên đơn vị diện tích canh tác mía. Kết hợp hài hòa lợi ích giữa người sản xuất mía nguyên liệu và nhà máy chế biến gắn với bảo vệ môi trường.

1.3.3. Các điều kiện về kinh tế-Xã hội:

Bao gồm nhiều nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của vùng nguyên liệu mía tập trung như:

- Nguồn lao động: Nguồn lao động phải được xem xét đến mức độ đáp ứng cho sản xuất về số lượng và chất lượng của lao động. Số lượng nguồn lao động là tất cả những người lao động có khả năng tham gia lao động và những người ngoài độ tuổi thực tế có tham gia lao động. Chất lượng nguồn lao động bao gồm trình độ văn hóa, chuyên môn, sức khỏe, ý thức...

- Giá mua mía và sự hài hòa lợi ích giữa các bên tham gia vào chuỗi giá trị ngành mía đường: Nếu giá mía cao, mang lại hiệu quả kinh tế lớn hơn những cây trồng mà người dân trong vùng đang canh tác thì họ sẽ chuyển đổi sang trồng mía, và ngược lại, nếu hiệu quả kinh tế từ trồng mía không cao thì người dân sẽ quay lưng lại với cây mía. Như vậy, các chính sách về giá của cơ sở chế biến để cho người trồng mía yên tâm sản xuất lâu dài là rất quan trọng. Để làm được điều này, doanh nghiệp chế biến cần quan tâm các biện pháp tiết kiệm chi phí, nâng cao năng lực thu hồi của thiết bị nhằm hạ giá thành sản xuất để có thể đầu tư vào giá mía. Người trồng mía quan tâm đến việc thâm canh, ứng dụng, giống mới, cơ giới hóa,... để tăng năng suất, chất lượng mía để nâng cao hiệu quả sản xuất trên một đơn vị diện tích.

- Khả năng huy động vốn để đầu tư cho cây mía: Yếu tố này làm tăng năng lực sản xuất và quy mô sản xuất của vùng mía.

- Các yếu tố về bản sắc văn hóa các dân tộc, phong tục địa phương, truyền thống cần cù trong lao động, tập quán canh tác của nhân dân trong vùng và tính năng động của người dân có ảnh hưởng lớn đến việc hình thành và phát triển của vùng mía nguyên liệu.

- Các điều kiện về cơ sở hạ tầng, sự đầu tư Nhà nước, các chính sách, chương trình phát triển ưu tiên cho miền núi, vùng sâu, vùng xa... là những tiền đề thuận lợi cho việc xây dựng vùng nguyên liệu.

1.3.4. Các nhân tố về điều kiện tự nhiên:

Các điều kiện tự nhiên như khí hậu, đất đai, nguồn nước, có ảnh hưởng lớn đến việc hình thành các vùng nguyên liệu mía tập trung chuyên canh.

- **Ảnh hưởng của khí hậu:** Bao gồm các yếu tố ảnh hưởng như nhiệt độ, độ ẩm, mưa, gió, bão, ánh nắng ảnh hưởng nhiều đến sự phát triển của cây mía trong từng thời kỳ. Các yếu tố này có biểu hiện khác nhau theo từng vùng, từng địa phương trong nước ta. Khi lựa chọn vùng trồng mía nguyên liệu cần lựa chọn những vùng có điều kiện thuận lợi cho sự sinh trưởng và phát triển của cây mía mới có thể có vùng mía năng suất, chất lượng cao.

- **Ảnh hưởng của đất đai:** Đất đai là tư liệu sản xuất chủ yếu và đặc biệt của sản xuất nông nghiệp. Chất lượng đất có chứa các thành phần chất dinh dưỡng phù hợp cây mía có vai trò hết sức quan trọng đảm bảo cho cây mía phát triển. Vì vậy khi lựa chọn vùng nguyên liệu trồng mía phải quan tâm đến đất có phù hợp cho cây mía phát triển hay không. Vì vậy, đây là một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự hình thành vùng mía nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến đường.

- **Ảnh hưởng của nguồn nước:** Nước cung cấp cho các hoạt động sản xuất nông nghiệp nói chung. Tuy mía là loại cây trồng cạn, nhưng trong quá trình sinh trưởng và phát triển mía cần nhiều nước và nhu cầu nước trong từng giai đoạn là khác nhau. Một vùng có các nguồn nước cung cấp đủ cho cây mía sẽ là yếu tố tạo nên năng suất và chất lượng mía của vùng đó cao. Xem xét các yếu tố về nguồn nước cung cấp cho mía cũng là một trong những yếu tố quan trọng để hình thành vùng nguyên liệu mía.

1.3.5. Về trình độ kỹ thuật và công nghệ

Hiện nay trang thiết bị, công nghệ chế biến đường không ngừng thay đổi, ngày càng hiện đại hơn, đẩy mạnh tự động trong một số công đoạn chế biến, nâng cao hiệu suất thu hồi, dây chuyền sản xuất ngày càng có công suất lớn, do vậy, việc sản xuất chế biến đường ngày càng có hiệu quả. Tuy nhiên, điều này cũng đòi hỏi mía nguyên liệu phải đáp ứng về cả số lượng và chất lượng, quy trình sản xuất và thu hoạch mía phải ngày càng được cải tiến phù hợp với công nghệ chế biến, đẩy mạnh cơ giới hóa trong nông nghiệp, máy móc thay thế dần con người để hạ giá thành, giải quyết tình trạng thiếu lao động diễn ra ngày càng gay gắt.

1.3.6. Các yếu tố cạnh tranh trong ngành (Theo mô hình 5 yếu tố cạnh tranh)

- Cường độ cạnh tranh trong ngành: sự cạnh tranh nguyên liệu của các nhà máy đường trong khu vực là yếu tố chính tác động đến hiệu quả sản xuất chế biến và xây dựng vùng nguyên liệu.

- Đe dọa của sản phẩm thay thế: đường thốt nốt, đường củ cải. Nhưng không đáng ngại và gần như là không có vì số lượng ít, giá thành sản xuất cao, thêm vào đó, thị hiếu người tiêu dùng trong nước và nước ngoài không ưu chuộng vị ngọt của các loại đường trên. Một đe dọa khác đến từ vùng nguyên liệu của công ty: đó là sự cạnh tranh của các cây trồng ngắn ngày như cây mì, bắp, đậu... và dài ngày như cao su, cây nguyên liệu giấy, cà phê, ca cao... đối với cây mía.

- Sức mạnh của nhà cung cấp: hộ nông dân, HTX nông nghiệp trồng mía. Cần phải có sự hài hòa lợi ích giữa các bên để đảm bảo cho sự phát triển bền vững của vùng nguyên liệu.

- Sức mạnh của người mua: Các nhà phân phối trung gian, các doanh nghiệp chế biến thực phẩm mà đường là nguyên liệu chính, tác động đến hiệu quả sản xuất, gián tiếp tác động đến vùng nguyên liệu.

- Đe dọa xâm nhập mới: Với đặc thù của Ngành đường, Sự xâm nhập mới có những rào cản hạn chế nhất định, đối với áp lực cạnh tranh này là phải có vùng nguyên liệu mới có thể xây dựng mới, chính sách của Nhà nước (QĐ 26/2007) hạn chế xây mới, chỉ nâng cấp trên cơ sở phải đảm bảo đủ nguyên liệu.

1.4. HỢP ĐỒNG TIÊU THỤ NÔNG SẢN HÀNG HÓA THEO TINH THẦN QUYẾT ĐỊNH 80/2002/QĐ-TTg

1.4.1. Khái niệm về hợp đồng – Hợp đồng tiêu thụ nông sản.

Hợp đồng là một cam kết thỏa thuận giữa hai hay nhiều bên để làm hoặc không làm một việc nào đó trong khuôn khổ pháp luật. Hợp đồng có thể được thể hiện bằng văn bản hay bằng miệng (Bách khoa toàn thư mở Wikipedia)

Theo Pháp lệnh hợp đồng kinh tế: “Hợp đồng kinh tế là sự thoả thuận bằng văn bản, tài liệu giao dịch giữa các bên ký kết về việc thực hiện công việc sản xuất, trao đổi hàng hoá, dịch vụ, nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và các thoả thuận khác có mục đích kinh doanh với sự quy định rõ ràng quyền và nghĩa vụ của mỗi bên để xây dựng và thực hiện kế hoạch của mình”.

Về Hợp đồng tiêu thụ nông sản: Quyết định 80/2002/QĐ-TTg ngày 24/6/2002 của Thủ tướng chính phủ về chính sách khuyến khích tiêu thụ nông sản hàng hóa thông qua hợp đồng có nêu:

“ Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế ký kết hợp đồng tiêu thụ nông sản hàng hóa với người sản xuất ,nhằm gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ nông sản để phát triển sản xuất ổn định và bền vững.

Hợp đồng sau khi đã ký kết là cơ sở pháp lý để gắn trách nhiệm và nghĩa vụ các bên , bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp giữa người sản xuất nguyên liệu và các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh chế biến và xuất khẩu theo các quy định của hợp đồng.”

Thực hiện việc ký kết hợp đồng tiêu thụ nông sản có lợi cho cả hai phía: người nông dân, các tổ chức kinh tế nông nghiệp và doanh nghiệp chế biến. Đối với người nông dân là lời giải cho bài toán đầu ra của sản phẩm, đối với doanh nghiệp sẽ giải quyết được sự đảm bảo tương đối chắc chắn đủ nguồn nguyên liệu đầu vào cho sản xuất, trên cơ sở hài hòa, cùng chia sẻ lợi ích giữa các bên.

Về hình thức hợp đồng, Quyết định 80 quy định các hình thức :

- Ứng trước vốn, vật tư, hỗ trợ kỹ thuật, công nghệ và mua lại nông sản hàng hóa.
- Bán vật tư mua lại nông sản hàng hóa
- Trực tiếp tiêu thụ nông sản hàng hóa.
- Liên kết sản xuất (Liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp bằng quyền sử dụng đất, tạo sự gắn kết giữa nông dân và doanh nghiệp)

Theo Bảo Trung: .. “Hình thức ứng trước vốn, vật tư, hỗ trợ kỹ thuật, công nghệ và mua lại nông sản hàng hóa” xét về bản chất có thể xem là “ hình thức Hợp đồng sản xuất”; Hình thức “ bán vật tư mua lại nông sản hàng hóa” và “ trực tiếp tiêu thụ nông sản hàng hóa” về bản chất là hợp đồng bao tiêu sản phẩm “...

Vận dụng các hình thức trên theo tinh thần của Quyết định 80, hầu hết các Nhà máy đường trong cả nước ký kết hợp đồng tiêu thụ mía với hộ nông dân, các nhóm hộ, các HTX dưới hình thức Hợp đồng đầu tư & mua bán nguyên liệu và Hợp đồng bao tiêu sản phẩm.

1.4.2. Môi quan hệ giữa người trồng mía và doanh nghiệp chế biến mía đường :

Trong chuỗi giá trị ngành mía đường người trồng mía thực hiện khâu sản xuất nguyên liệu, doanh nghiệp chế biến đường thực hiện khâu chế biến và tổ chức tiêu thụ,

và một phần có sự tham gia của các đơn vị dịch vụ cung ứng: vật tư nông nghiệp, cơ giới nông nghiệp, vận tải...

Mối quan hệ giữa người trồng mía và doanh nghiệp chế biến mía đường là mối quan hệ hữu cơ, mật thiết, phụ thuộc lẫn nhau, cùng nhau tồn tại và phát triển. Phải xác định chức năng, vai trò, trách nhiệm và lợi ích của mỗi bên. Một phía là người sản xuất ra nguyên liệu bảo đảm đủ chất lượng, số lượng một cách ổn định. Còn phía doanh nghiệp bảo đảm tiêu thụ hết sản phẩm theo đúng hợp đồng

Mối quan hệ giữa người trồng mía và doanh nghiệp chế biến mía đường là một chỉnh thể thống nhất. Biểu hiện ở mục đích chung: nhằm đạt được năng suất, chất lượng cao, giá thành hạ và cuối cùng là đạt lợi nhuận tối đa. Sản xuất nguyên liệu mía phải dựa trên hiệu quả của chế biến và tiêu thụ, ngược lại chế biến đường và tiêu thụ sản phẩm phải dựa trên cơ sở của sản xuất nguyên liệu mía có hiệu quả.

Kết hợp hài hòa lợi ích giữa người trồng mía và doanh nghiệp chế biến đường không chỉ ở việc phân chia lợi nhuận hợp lý, mà còn biểu hiện ở việc xác lập hợp lý các mối quan hệ giữa người trồng mía và doanh nghiệp chế biến đường, là việc tìm ra các giải pháp nâng cao hiệu quả của khâu này có xem xét đến hiệu quả của các khâu khác, là việc tạo cho nhau những điều kiện thuận lợi để nâng cao hiệu quả sản xuất, biểu hiện ở vai trò hỗ trợ của doanh nghiệp đối với người trồng mía và cùng nhau chia sẻ rủi ro trong quá trình sản xuất.

1.5. MỘT SỐ KINH NGHIỆM XÂY DỰNG VÙNG NGUYÊN LIỆU CỦA CÁC NHÀ MÁY ĐƯỜNG TRONG NƯỚC

Từ những bài học về thiếu nguyên liệu rút ra từ chương trình mía đường quốc gia. Hiện nay, các doanh nghiệp chế biến mía đường đều tập trung cho việc quy hoạch, xây dựng và phát triển vùng nguyên liệu nhằm đảm bảo đủ nguyên liệu cho Nhà máy chế biến. Nhiều chính sách, nhóm giải pháp như: ứng dụng khoa học kỹ thuật về giống mía, phòng trừ sâu bệnh, kỹ thuật canh tác, cơ giới hóa... đã được đưa ra nhằm tăng sản lượng mía theo 2 cách, một là tăng diện tích, hai là tăng năng suất trên một đơn vị diện tích. Giải quyết sự hài hòa lợi ích giữa nông nghiệp và công nghiệp chế biến, giữa người trồng mía và doanh nghiệp chế biến đường cụ thể :

- Công ty CP đường Lam Sơn:

Đề án “Làm mới cây mía, hạt đường Lam Sơn” bằng các chính sách đầu tư toàn diện từ việc hỗ trợ cày sâu, bón vôi, cải tạo làm giàu cho đất, hỗ trợ giống mới, tưới

nước... đến đào tạo dạy nghề cho nông dân, quy hoạch lại đồng ruộng, tổ chức lại nghề trồng mía theo hướng tập trung.

Thành lập hiệp hội mía đường Lam sơn đại diện của nông dân để điều phối bảo vệ lợi ích cho nông dân, bán cổ phần cho hàng ngàn hộ nông dân để tạo sự liên kết chặt chẽ giữa 2 bên.

- Nhà máy đường Tate&Lyle:

Mô hình “Nhân nuôi, phóng thích và đánh giá khả năng không chế sâu hại trên cây mía của bọ đuôi kim” thực hiện trên vùng nguyên liệu mía trọng điểm Xã Nghĩa Thắng, huyện Nghĩa Đàn của NM đường Nghệ An Tate&Lyle đã đem lại thành công lớn.

- Công ty đường Quảng Ngãi:

+Nhà máy Đường Phở Phong thực hiện dự án xây dựng mô hình thâm canh tăng năng suất, chất lượng mía trên đất gò đồi huyện Ba Tơ, áp dụng qui trình kỹ thuật cơ giới hoá vào khâu làm đất bằng hình thức sử dụng máy kéo và máy đào để làm đất, thiết kế đường đồng mức đối với đất có độ dốc từ 1-80 và tiêu bậc thang đối với đất có độ dốc từ 8– 150

+ Nhà máy đường An Khê : đầu tư hàng trăm máy kéo công suất lớn để phục vụ cơ giới hóa trồng mía, làm đất theo phương pháp cày ngầm. Thử nghiệm phương pháp trồng hàng đôi kết hợp tưới nhỏ giọt theo công nghệ mới đối với 1 số diện tích , đánh giá bước đầu tăng 50% năng suất so với cách trồng cũ.

- Các nhà máy đường: Biên Hòa- Tây Ninh, Buorbon Tây Ninh.

Thực hiện cơ giới hóa đồng bộ từ trồng, chăm sóc đến thu hoạch mía trên những cánh đồng mẫu cho năng suất, chất lượng rất cao. Thực nghiệm các phương pháp trồng hàng đôi, hàng đơn có tưới với khoảng cách hàng thuận tiện cho khâu chăm sóc bằng máy. Phân tích chất đất theo từng tiểu khu để đưa ra cơ cấu bón phân hợp lý, tiết kiệm.

1.6. NHỮNG CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CỦA CÁC DOANH NGHIỆP CHẾ BIẾN ĐƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP SÂU VÀO NỀN KINH TẾ THẾ GIỚI.

Sau hơn 15 năm thực hiện chương trình mía đường quốc gia. Ngành công nghiệp chế biến đường Việt Nam đã có những bước tiến nhất định đóng góp vào sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn

Tuy nhiên Ngành đường Việt Nam vẫn còn non trẻ so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Còn bộc lộ nhiều hạn chế cơ bản như: Năng suất nông nghiệp còn thấp chỉ đạt 4-5 tấn/ha so với 7tấn/ha ở Thái Lan và 9-12 tấn/ha ở Úc, Brazil. Thiết bị, công nghệ cũ, công suất chế biến hầu hết < 2.000 TMN nên chi phí sản xuất cao so với các nước. Các chuyên gia kinh tế vẫn xếp đường sản xuất trong nước vào nhóm sản phẩm có khả năng cạnh tranh thấp khi Việt Nam tham gia vào tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Trong quá trình hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới, Ngành đường Việt Nam đang đứng trước những cơ hội và thách thức:

1.6.1. Cơ hội:

- Việt Nam có đủ điều kiện thuận lợi để phát triển cây mía: tài nguyên đất, khí hậu: nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa trung bình phù hợp với cây mía được đánh giá thuộc nhóm trung bình khá so với thế giới.

- Truyền thống lao động cần cù, ham học hỏi, kinh nghiệm sản xuất, khả năng tiếp cận những công nghệ mới của nông dân là những lợi thế cơ bản về nguồn nhân lực. Với 70% dân số sống ở nông thôn, 56% lao động làm nông nghiệp là điều kiện cung cấp nguồn lao động trẻ, dồi dào, giá rẻ cho ngành mía đường.

- Nhu cầu tiêu dùng đường trong nước tăng cao (ước năm 2011:1,4 triệu tấn) do GDP bình quân đầu người tăng (2010: 1.200USD) và dân số tăng (89 triệu người)

Công nghiệp sau đường, tận dụng phụ phẩm của đường, mía như chế biến thực phẩm, phân bón, thức ăn gia súc, phát điện từ bã mía... đang trên đà phát triển góp phần làm tăng giá trị của ngành hàng mía đường.

- Nhu cầu đường thế giới dự báo trong các năm tới tăng, giá đường ổn định do tác động của tăng dân số thế giới và xu hướng sử dụng mía sản xuất nhiên liệu sinh học Ethanol trên thế giới thay thế một phần dầu thô đang tăng cao (Brazil, Colombia...)

1.6.2. Thách thức:

- Việt Nam gia nhập các hiệp định thương mại khu vực và thế giới, phải chịu sự điều chỉnh của những thông lệ quốc tế chặt chẽ, những rào cản về thuế quan, hạn ngạch nhập khẩu dần dần phải bãi bỏ, tiến đến tự do thương mại trong khi ngành đường Việt Nam năng lực tranh tranh kém.

- Ngành đường Việt Nam còn non trẻ so với các nước, phần lớn các nhà máy đều mới xây dựng, thời gian khấu hao chưa lâu, quy mô sản xuất nhỏ, công suất thấp,

một số nhà máy thiết bị cũ, lạc hậu trình độ sản xuất kém nên năng suất công nghiệp thấp, hiệu suất thu hồi đường và chất lượng sản phẩm thấp dẫn đến giá thành trung bình của đường nước ta cao hơn các nước nên khó cạnh tranh với đường nhập khẩu.

- Vùng nguyên liệu quy mô nhỏ, phân tán, chưa được đầu tư tương xứng theo hướng công nghiệp hóa. Chịu tác động rủi ro rất lớn bởi thời tiết như hạn hán, bão lụt... nên năng suất thấp, chi phí cao dẫn đến giá thành nguyên liệu cao, sản lượng và diện tích hàng năm không ổn định.

- Phần lớn trong các quốc gia sản xuất đường đều có chính sách trợ giá nên Việt Nam chịu tác động bất lợi của chính sách trợ cấp sản xuất đường và tiêu thụ nội địa của các nước, nhất là của các nước phát triển, khối EU.

Trong bối cảnh trên. Nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, tránh bị thua ngay trên “sân nhà”. Các doanh nghiệp chế biến đường nói chung và Công ty cổ phần mía đường 333 nói riêng cần tập trung vào việc khắc phục những hạn chế, tận dụng những cơ hội, vượt qua những thách thức. Với mục tiêu hạ giá thành đến mức có thể cạnh tranh bình đẳng về giá đường so với các nước trong khu vực và trên thế giới, đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng đường ngày càng tăng cao trong nước và tiến đến xuất khẩu.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VÙNG NGUYÊN LIỆU CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG 333

2.1. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân của Công ty Cổ phần mía đường 333 là Sư đoàn 333 - đơn vị quân đội thuộc quân khu 5, Bộ Quốc Phòng. Sư đoàn 333 thành lập tháng 10 năm 1976 với nhiệm vụ chính là làm kinh tế và bảo vệ vùng giải phóng tại Tỉnh Đắk Lắk.

Tháng 10 năm 1982, Chính phủ quyết định chuyển Sư đoàn 333 sang Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm quản lý đồng thời đổi tên thành Xí nghiệp Liên hợp Nông Công Lâm Nghiệp 333, thuộc Liên hiệp các Xí nghiệp Cà phê Việt Nam. Hoạt động chủ yếu của Xí nghiệp Liên hợp Nông Công Lâm nghiệp 333 là hợp tác với Liên Xô (cũ) để trồng, sản xuất và chế biến cà phê. Trong thời gian này, Xí nghiệp Liên hợp Nông Công Lâm nghiệp 333 trực tiếp quản lý 23 nông trường và xí nghiệp.

Tháng 11 năm 1991, Chính phủ ban hành Nghị định 388/CP-NĐ về việc thành lập các doanh nghiệp Nhà nước. Trên cơ sở đội ngũ cán bộ công nhân viên và cơ sở vật chất còn lại thuộc cấp quản lý, Xí nghiệp được thành lập lại theo Quyết định 217 ngày 9 tháng 4 năm 1993 của Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm vẫn lấy tên là Xí nghiệp Liên hợp Nông Công Lâm nghiệp 333 nhưng trực thuộc Tổng công ty Cà phê Việt Nam. Xí nghiệp Liên hợp Nông Công Lâm nghiệp 333 từ một cơ quan quản lý chuyển sang sản xuất kinh doanh trực tiếp nên gặp rất nhiều khó khăn. Trước tình hình đó, Xí nghiệp đã lập dự án đầu tư xây dựng nhà máy đường. Dự án này được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phê duyệt tại Quyết định số 484 ngày 14/05/1994 với công suất 500 TMN và chính thức đi vào hoạt động từ vụ mía 1997 - 1998.

Ngày 19 tháng 4 năm 1997, theo quyết định số 130 của Tổng công ty Cà phê Việt Nam, Xí nghiệp Liên hợp Nông Công Lâm nghiệp 333 được đổi tên thành Công ty Mía đường 333 cho phù hợp với chức năng nhiệm vụ mới.

Ngày 30 tháng 12 năm 2005, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ra quyết định số 3762/QĐ/BNN-ĐMDN về việc chuyển mô hình hoạt động của Công ty Mía đường 333 sang mô hình hoạt động của công ty cổ phần và đổi tên thành Công ty Cổ phần Mía đường 333. Công ty Cổ phần Mía đường 333 chính thức đi vào hoạt động từ

ngày 28/06/2006 theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 40.03.000094 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk.

Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Mía Đường 333

Tên giao dịch: Công Ty Cổ Phần Mía Đường 333

Tên giao dịch quốc tế: The 333 Sugar Joint Stock Company

Tên viết tắt: 333 SUCO

Trụ sở chính: Thị trấn Eakanốp, huyện Eakar, Tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: 05003 829112 – 05003 829260 – Fax: 05003 829089

Email: miaduong333@gmail.com

2.1.2. Tầm nhìn, sứ mệnh của Công ty cổ phần mía đường 333 :

2.1.2.1 Sứ mệnh:

- Xây dựng Công ty cổ phần mía đường 333 trở thành doanh nghiệp mạnh có uy tín trong ngành đường Việt Nam

- Cung cấp sản phẩm đường có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng: giá cả hợp lý, an toàn cho người tiêu dùng

- Mang lại lợi ích cho Khách hàng, Cổ đông, Người lao động, Người trồng mía và cho Cộng đồng thông qua hiệu quả hoạt động của Công ty.

- Góp phần tạo ra một lực lượng lao động năng động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, có tâm, có tầm có thể tiếp cận và làm chủ thiết bị và công nghệ trong tương lai để xây dựng Công ty ngày càng giàu mạnh và phát triển ổn định, bền vững.

2.1.2.2. Tầm nhìn đến 2020:

- Mở rộng quy mô sản xuất với trang thiết bị công nghệ hiện đại để nâng cao năng lực cạnh tranh, đến năm 2020 nâng công suất lên 4.000 TMN, phát triển vùng nguyên liệu lên 8.000 ha với năng suất > 70tấn/ha

- Xây dựng doanh nghiệp trở thành đơn vị sản xuất kinh doanh, thương mại, dịch vụ mạnh, gắn bó với cộng đồng và vì cộng đồng, trong đó lấy Mía đường – Phân bón – Điện làm trụ cột.

2.1.2.3. Chức năng, nhiệm vụ, ngành nghề kinh doanh của công ty.

Theo Giấy CNĐKKD và Đăng ký thuế Công ty cổ phần số 6000181156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đak Lak cấp lần đầu ngày 28/06/2006 và đăng ký thay đổi lần 1 ngày 28/10/2009, Công ty được phép kinh doanh các lĩnh vực sau:

- Sản xuất, chế biến đường mía;

- Chế biến hạt điều nhân xuất khẩu;
- Sản xuất nước tinh khiết, nước ngọt có gas và không gas;
- Sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh;
- Đại lý mua bán xăng dầu và chất bôi trơn động cơ;
- Trồng mía đường;
- Mua bán hàng vật tư nông nghiệp, nông sản;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô;
- Cho thuê mặt bằng, kho bãi.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Cơ cấu tổ chức của Công ty được tổ chức theo mô hình đơn giản và hiệu quả, bao gồm Trụ sở làm việc và các Nhà máy sản xuất các sản phẩm đường, nhân hạt điều, nước uống tinh khiết, phân vi sinh.

Công ty Cổ phần Mía đường 333 được tổ chức và điều hành theo mô hình công ty cổ phần, tuân thủ theo:

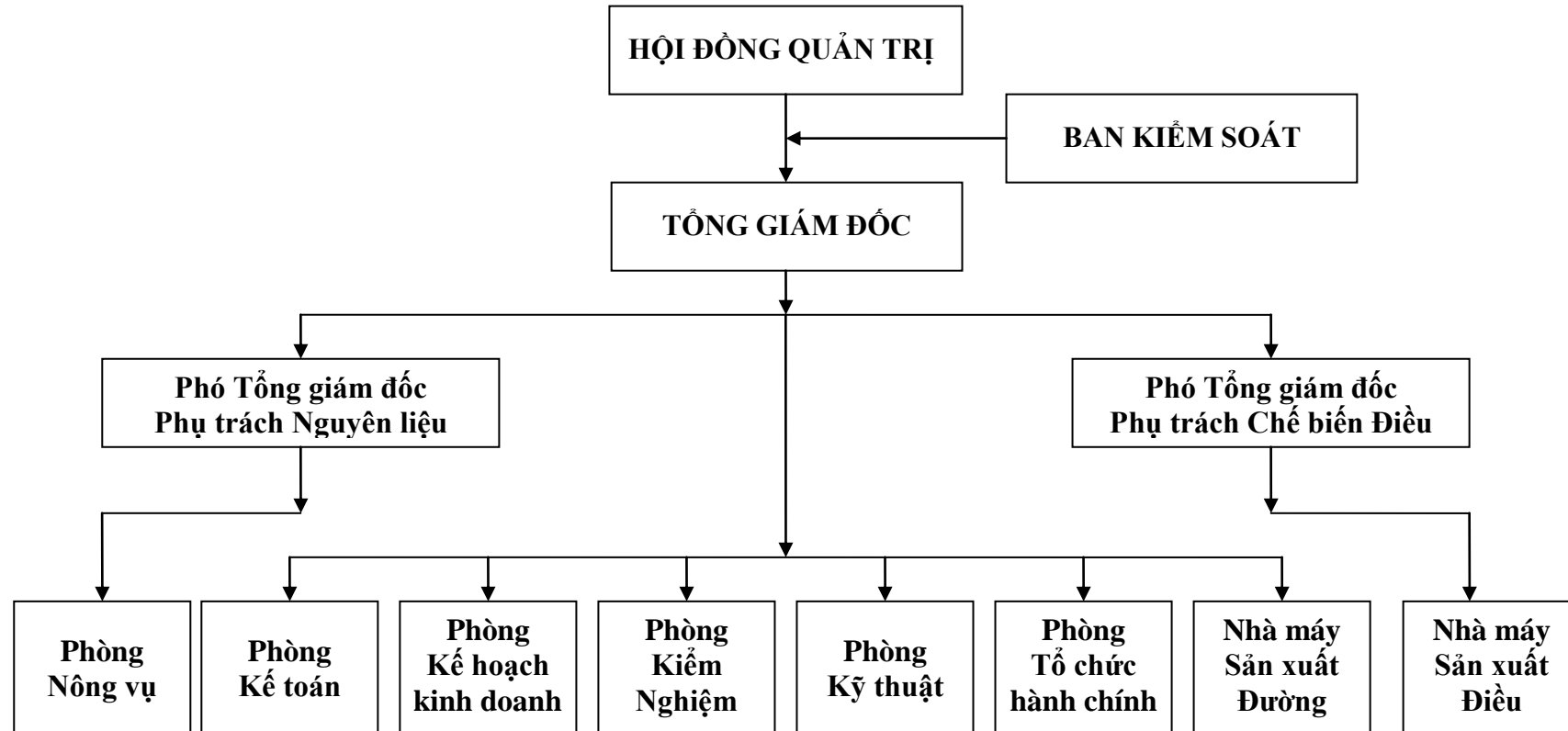
- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội khóa X thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn;

- Luật và các quy định khác có liên quan;

- Điều lệ của Công ty Cổ Phần Mía Đường 333 do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty chi tiết được thể hiện cụ thể theo sơ đồ dưới đây:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG 333



* **Đại hội đồng cổ đông:** ĐHĐCĐ là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, toàn quyền quyết định mọi hoạt động của Công ty và có nhiệm vụ:

Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Thông qua các báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh; Quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư; Bầu, bãi nhiệm HĐQT và BKS; Các nhiệm vụ khác do Điều lệ Công ty quy định.

* **Hội đồng quản trị:** HĐQT là tổ chức quản lý cao nhất trong Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra, HĐQT có nhiệm vụ:

Báo cáo trước ĐHĐCĐ tình hình kinh doanh, dự kiến phân phối lợi nhuận, chia lãi cổ phần, báo cáo quyết toán năm tài chính, phương hướng phát triển và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy, quy chế hoạt động của Công ty; Bổ nhiệm, bãi nhiệm và giám sát hoạt động của TGD; Kiến nghị sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty; Quyết định triệu tập ĐHĐCĐ; Các nhiệm vụ khác do Điều lệ Công ty quy định.

HQĐT Công ty Cổ phần Mía đường 333 hiện có 05 thành viên bao gồm: 01 chủ tịch và 04 thành viên; nhiệm kỳ là 05 năm.

* **Ban kiểm soát** :BKS do ĐHĐCĐ bầu ra, có nhiệm vụ :

Thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

BKS gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ là 05 năm.

* **Ban Tổng Giám đốc:**Ban Tổng Giám đốc bao gồm 03 thành viên: 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc.

Tổng Giám Đốc: TGD là người đại diện theo pháp luật của Công ty và là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. TGD do HĐQT bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao. TGD có nhiệm vụ:

Tổ chức triển khai thực hiện các quyết định của HĐQT, kế hoạch sản xuất kinh doanh; Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức quản lý nội bộ Công ty theo đúng Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT; Ký các văn bản, hợp đồng, chứng từ theo sự phân cấp của Điều lệ Công ty; Báo cáo trước HĐQT tình hình hoạt động tài chính, kết quả kinh doanh và chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động của Công ty trước

HDQT; Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và của Công ty.

Giúp việc cho TGD là các Phó Tổng Giám đốc. Phó Tổng giám đốc do HDQT bổ nhiệm theo đề xuất của TGD và được TGD, căn cứ vào khả năng và nhu cầu quản lý, ủy quyền một số quyền hạn nhất định.

Phó Tổng Giám đốc - Phụ trách đầu tư vùng nguyên liệu mía

Phó Tổng Giám đốc - Phụ trách đầu tư vùng nguyên liệu mía do HDQT bổ nhiệm, là người tham mưu cho TGD, được TGD phân trách nhiệm, quyền hạn và chịu trách nhiệm trước TGD về kết quả quản lý và điều hành các hoạt động tổng hợp xây dựng chiến lược, kế hoạch đầu tư nguyên liệu mía cho sản xuất chế biến đường.

Phó Tổng Giám đốc - Phụ trách Sản xuất chế biến điều

Phó Tổng Giám đốc - Phụ trách sản xuất chế biến điều do HDQT bổ nhiệm, là người tham mưu cho TGD, được TGD phân trách nhiệm, quyền hạn và chịu trách nhiệm trước TGD về kết quả quản lý và điều hành hoạt động sản xuất chế biến điều xuất khẩu.

**** Các phòng chức năng, các nhà máy sản xuất :***

+ ***Phòng Tài chính - Kế toán*** Gồm 05 cán bộ và nhân viên, có nhiệm vụ:

Hạch toán kế toán; Quản lý, kiểm soát hoạt động tài chính; Thống kê, báo cáo và phân tích hoạt động kinh tế; Quản lý hệ thống mạng vi tính.

+ ***Phòng Tổ chức – Hành chính*** Gồm 05 cán bộ và nhân viên, có nhiệm vụ:

Quản lý lao động, tiền lương, chế độ, chính sách đối với người lao động; Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật; Phụ trách dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe cho người lao động; Phụ trách công tác đào tạo; Quản lý hành chính, văn thư; Quản lý tài sản, trang thiết bị, dụng cụ văn phòng.

+ ***Phòng Kế hoạch – kinh doanh*** Gồm 06 cán bộ nhân viên, có nhiệm vụ:

Tổng hợp xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Theo dõi, hỗ trợ các đơn vị trong công tác triển khai thực hiện kế hoạch. Tổng hợp xây dựng các chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty; Theo dõi, tổng hợp thông tin, đánh giá, điều độ sản xuất; Cung ứng nhiên vật liệu phục vụ sản xuất, vật tư, thiết bị phục vụ sửa chữa, lắp đặt dự án đầu tư (mua trong nước); Thu thập, đánh giá thông tin về thị trường đầu vào và đầu ra; Quản lý hệ thống kho tàng; Quản lý cửa hàng kinh doanh xăng dầu và xưởng sản xuất nước lọc.

+ **Phòng Kiểm nghiệm** : Gồm 22 cán bộ và nhân viên, có nhiệm vụ:

Giám sát quá trình sản xuất của các phân xưởng; Kiểm tra chất lượng sản phẩm phù hợp với hệ thống quản lý chất lượng; nghiệm thu nguyên, vật liệu đầu vào cho sản xuất; Phân tích và cung cấp kết quả cho các bộ phận trong quá trình sản xuất đường để sản phẩm sản xuất ra đảm bảo tiêu chuẩn đã đăng ký.

+ **Phòng Kỹ Thuật** : Gồm 06 cán bộ và nhân viên, có nhiệm vụ:

Quản lý thiết lập, lưu trữ hồ sơ kỹ thuật thiết bị toàn Công ty, kiểm soát tình hình sử dụng của các đơn vị, quản lý hồ sơ các sự cố, tham mưu trong sử dụng thiết bị và giải quyết sự cố; Xây dựng kế hoạch và tổng hợp quyết toán công tác sửa chữa định kỳ, sửa chữa lớn; Quản lý toàn bộ mọi hoạt động về chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực kỹ thuật.

+ **Phòng Nông vụ**: Gồm 33 cán bộ, nhân viên (09 cán bộ, nhân viên chuyên môn và 24 cán bộ địa bàn) có nhiệm vụ:

Tổ chức xây dựng vùng nguyên liệu mía ổn định, bền vững và chất lượng; Đầu tư trồng mới, chăm sóc, hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, canh tác cây mía đảm bảo đủ nguồn nguyên liệu mía cho nhà máy hoạt động; Tổ chức thu mua mía, điều tiết đốn chặt và điều hành vận chuyển mía về cho nhà máy; Thực hiện công tác khuyến nông, kỹ thuật nông nghiệp, khảo nghiệm và nhân giống mía.

+ **Nhà máy Đường**: Gồm 200 cán bộ, công nhân viên. Nhiệm vụ chính :

Sản xuất chế biến đường RS từ nguyên liệu mía; Quản lý và tổ chức xưởng sản xuất phân vi sinh; Tổ chức điều hành sản xuất theo kế hoạch đã được phê duyệt; Kiểm soát thực hiện các quy trình, quy phạm về thiết bị, công nghệ; Kiểm soát quá trình sản xuất sản phẩm theo tiêu chuẩn chất lượng quy định; Quản lý thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc thuộc phạm vi trách nhiệm kể cả hệ thống xử lý nước thải.

+ **Nhà máy Điều**: Nhà máy Điều cũng nằm tại Thị trấn Ea Knốp nhưng cách trụ sở Công ty khoảng 2km. Phân xưởng khoảng 149 cán bộ, công nhân viên với nhiệm vụ chính là sản xuất, chế biến nhân hạt điều xuất khẩu.

2.1.4. Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty:

2.1.4.1. Các nhóm sản phẩm của Công ty

- Các sản phẩm của Công ty bao gồm: Đường RS đóng trong túi PE hoặc PP loại 0,5 kg, 1 kg, 50 kg. Sản phẩm đường của Công ty được sản xuất theo tiêu chuẩn Việt Nam, được sử dụng cho mục đích tiêu dùng cá nhân hoặc sử dụng làm nguyên vật liệu

sản xuất các mặt hàng khác như bánh, kẹo... Sản phẩm đường hiện vẫn là sản phẩm chủ lực của Công ty;

- Điều nhân xuất khẩu đóng trong thùng giấy trọng lượng tịnh 22,68 kg/thùng (một thùng giấy gồm 02 thùng thiếc);

- Mật rỉ - một sản phẩm phụ của quá trình sản xuất đường. Mật rỉ dùng làm nguyên liệu sản xuất các mặt hàng khác như bột ngọt, cốm...

- Nước uống tinh khiết nhãn hiệu Vina 333 đóng chai loại 0,5 lít, 1,5 lít và đóng bình loại 21 lít;

- Phân vi sinh bao gồm phân Komix 1 dùng để bón lót cho mía và Komix 2 dùng để bón thúc cho mía;

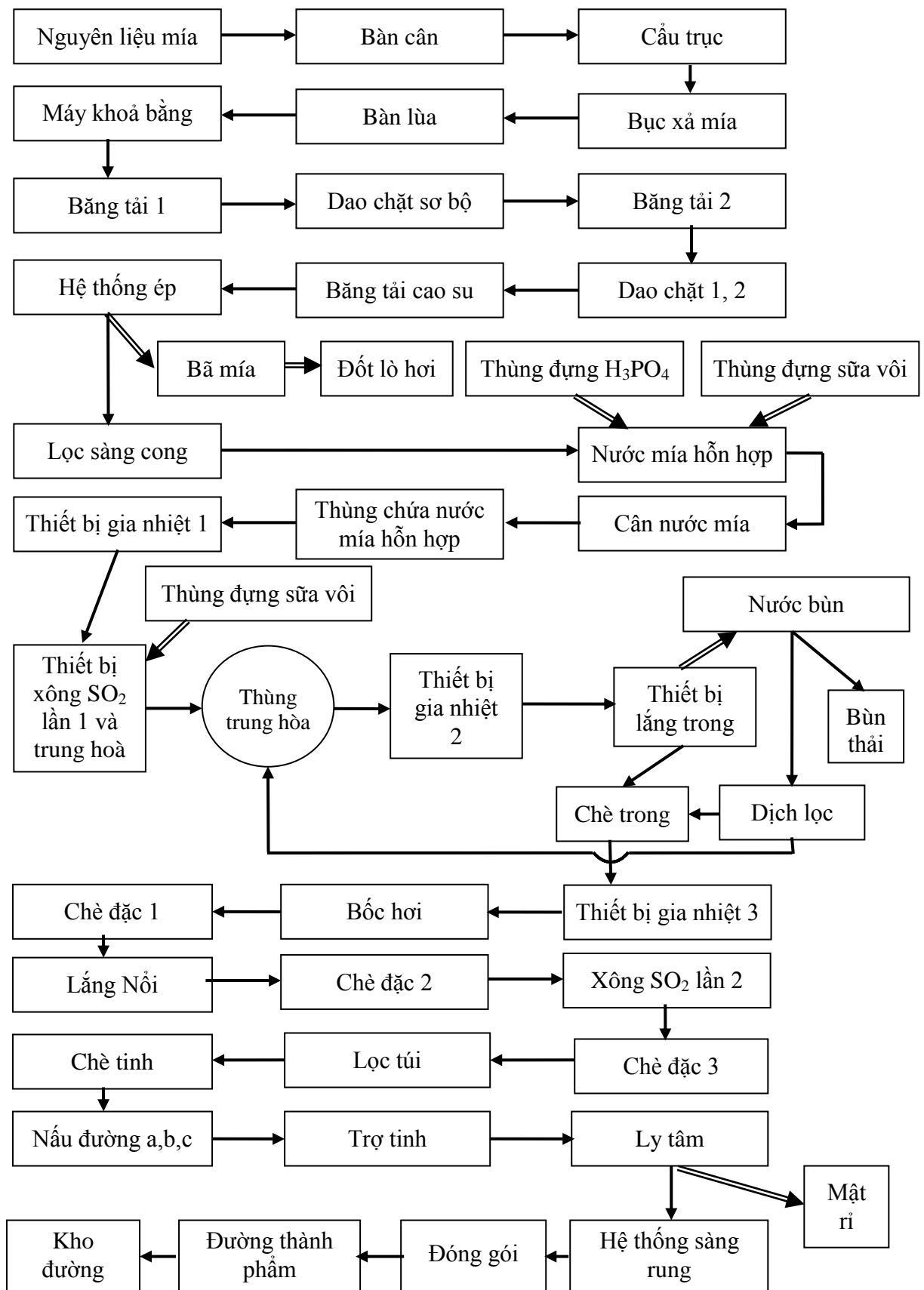
- Trong quá trình sản xuất cũng tạo ra một số sản phẩm phụ như bã mía, bùn, vỏ hạt điều, dầu điều... đều được công ty tận dụng phục vụ cho quá trình sản xuất như đốt để chạy máy phát điện, làm nguyên liệu sản xuất phân vi sinh... hoặc bán ra bên ngoài.

- Bên cạnh đó, Công ty còn hoạt động thương mại đơn thuần một số mặt hàng như xăng dầu, nhớt, phân vô cơ nhằm tận dụng hết lợi thế vị trí địa lý và quan hệ trong kinh doanh của Công ty.

2.1.4.2. Trình độ công nghệ và quy trình sản xuất đường:

Việc ứng dụng công nghệ tiên tiến luôn được Ban lãnh đạo Công ty quan tâm nghiên cứu đầu tư phù hợp nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và an toàn thực phẩm. Trình độ công nghệ cho quá trình sản xuất luôn là mối quan tâm hàng đầu của các doanh nghiệp sản xuất, công nghệ là “vũ khí” quan trọng nhất để cạnh tranh với các doanh nghiệp trong nước và hội nhập với kinh tế quốc tế. Do vậy, trong những năm qua Công ty không ngừng nghiên cứu, cải tạo, đầu tư thiết bị phù hợp với hiện trạng của máy móc thiết bị và khả năng tài chính hiện có để thay đổi, nâng cấp dây chuyền sản xuất nhằm cho chất lượng sản phẩm tốt nhất, tiết kiệm chi phí, tăng năng suất lao động.

Công nghệ Sản xuất chế biến đường RS của Công ty được thực hiện theo phương pháp Sunfit hoá axit tính tuyệt đối đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Quy trình sản xuất đường của Công ty được mô tả theo sơ đồ dưới đây:



Từ công đoạn đầu tiên là đưa nguyên liệu vào đến khi có thành phẩm là 48 giờ đồng hồ. Dây chuyền này yêu cầu phải cân bằng quá trình sản xuất ở các công đoạn khác nhau.

Giải thích quy trình:

Mía nguyên liệu được vận chuyển từ các vùng nguyên liệu về nhà máy bằng các xe tải. Sau khi qua bàn cân để ghi nhận sản lượng cho người nông dân, mía được chuyển đến Phòng Kiểm nghiệm. Phòng Kiểm nghiệm tiến hành rút mẫu mía, thực hiện ép mẫu, phân tích và xác định CCS (chữ đường) và tạp chất mía cây làm căn cứ cho việc thanh toán tiền cho nông dân. Sau khi lấy mẫu, mía được đưa vào bãi tập kết để chuẩn bị sản xuất.

Từ bãi tập kết, cần trục sẽ đưa mía nguyên liệu vào bàn lùa, thông qua hệ thống băng truyền, mía được đưa vào lần lượt máy băm 1, 2 để cắt thành từng khúc. Mía cắt khúc tiếp tục qua băng truyền vào máy ép. Sản phẩm của công đoạn này là bã mía và nước chèn trích (nước mía).

Bã mía được băng truyền đưa vào cửa phân phối bã trước khi vào 2 lò làm nguyên liệu đốt lò hơi cung cấp hơi dùng để nấu đường đồng thời sử dụng hơi cao áp để quay tuabin cung cấp điện cho sản xuất.

Nước mía sau công đoạn ép được nước mía hỗn hợp có nồng độ khoảng 14Bx, trị số PH khoảng 4,5 đến 5 được bơm đi xử lý các công đoạn tiếp theo: Gia vôi sơ bộ Ca(OH)_2 và gia H_3PO_4 → Gia nhiệt 1 xông SO_2 lần 1 - trung hòa → Gia nhiệt 2 → Lắng chìm → Gia nhiệt 3 → Cô đặc → Lắng nổi → Xông SO_2 lần 2. Sản phẩm của các công đoạn này là đường non.

Đường non sau khi nấu được xử lý tiếp qua các công đoạn: Trọt tinh → Tách mật → Sấy → Phân loại → Cân đóng bao. Đường thành phẩm sẽ được đóng bao và lưu tại kho thành phẩm.

Dây chuyền sản xuất của Công ty hiện tại có công suất là 1.800 TMN tương đương với 220.000 tấn mía nguyên liệu/năm. Sản lượng đường bình quân đạt 21.000 tấn/năm; mật rỉ đạt khoảng 1.200 tấn/năm.

2.1.4.3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty qua các năm :

Ngày 30 tháng 12 năm 2005, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ra quyết định số 3762/QĐ/BNN-ĐMDN về việc chuyển mô hình hoạt động của Công ty Mía đường 333 sang mô hình hoạt động của công ty cổ phần và đổi tên thành Công ty Cổ

phần Mía đường 333. Công ty Cổ phần Mía đường 333 chính thức đi vào hoạt động từ ngày 28/06/2006.

Sau 5 năm hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, công ty cổ phần mía đường 333 đã không ngừng lớn mạnh cả về quy mô cũng như đa dạng về ngành nghề sản xuất kinh doanh với vốn điều lệ ban đầu 10 tỷ đồng đến nay đã tăng lên 39,675 tỷ đồng . Và sẽ tăng lên 79,35 tỷ trong cuối năm 2011 ; Vốn chủ sở hữu xấp xỉ 100 tỷ đồng tăng gần 10 lần so với 5 năm trước.

Từ quy mô ban đầu 800TMN, Công ty đã mở rộng công suất nhà máy đường giai đoạn 1 từ 800 lên 1.800 TMN đã đi vào hoạt động trong vụ ép 2010/2011.

Bảng 2.1: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2006 – 2010

TT	Chỉ tiêu	Đ V T	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	BQ tốc độ tăng trưởng %
4	DTmía đầu tư	Ha	3.011	3.259	3.083	2.826	4.701	15,21
5	Giá trị đầu tư	Tr.đ	20.83 1	24.487	30.004	29.434	69.760	44,45
1	SL mía ép sạch	Tấn	72.14 4	134.379	126.294	113.631	107.087	16,12
2	SL Đường SX	Tấn	6.613	14.004	12.814	11.553	11.460	23,16
3	Công suất ép	TM N	767	780	792	864	923	4,79
4	KD điều nhân	Tấn	239	310	288	267,14	336,53	10,33
5	KD phân bón	Tấn	1.094	1.338	1.202	1.123	2.053	22,10
6	SXKDV sinh	Tấn	659	669	398	248,76	502	6,33
7	NU đóng chai	M ³	502	669	807	869,81	1.109	22,29
8	KD xăng dầu	M ³	862	788	670	657	482	-13,34
9	Vốn điều lệ	Tr.đ	10.00 0	10.000	10.000	11.500	34.500	53,75
10	Vốn chủ SH	Tr.đ	11.05	20.891	26.739	39.650	99.895	79,32

			1					
11	D. thu thuần	Tr.đ	35.94 8	118.537	139.952	158.255	191.639	70,50
12	LN sau thuế	Tr.đ	1.036	10.413	9.981	19.242	32.980	266,29
13	Tỷ suất LN/VĐL	%	10,36	104,13	99,81	167,32	95,60	231,44
14	Nộp NS NN	Tr.đ	3.700	3.650	9.880	11.162	19.336	63,88
15	Cổ tức	%	5	25	25	20	25	101,25
16	Thu nhập BQ Trđ/người/thá ng		1.091	1.617	1.767	1.995	2.398	22,65

(Nguồn: Báo cáo hoạt động SXKD nhiệm kỳ I & Phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ II của HĐQT tại đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011).

2.2. PHÂN TÍCH VÙNG NGUYÊN LIỆU CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG 333

2.2.1. Hiện trạng vùng nguyên liệu từ 2006-2010:

Đóng chân trên địa bàn Thị trấn Eaknốp- Huyện Eakar- Tỉnh Đắk Lắk, vùng nguyên liệu của Công ty được quy hoạch tập trung trên 16 xã, thị trấn thuộc 2 huyện Eakar và Mdrắc, Phía đông nam tỉnh Đắk Lắk với cự ly trung bình về nhà máy dưới 30km. Giai đoạn từ năm 2006 đến 2009, diện tích hàng năm từ 2.900 ha đến 3.100 ha, nhìn chung đã đáp ứng đủ nguyên liệu cho công suất chế biến của nhà máy 800TMN.

Từ năm 2010, diện tích mía của Công ty đã tăng lên 4.700 ha đáp ứng đủ nguyên liệu cho dự án nâng công suất giai đoạn 1 từ 800TMN lên 1.800TMN từ vụ 2010/2011.

Hiện trạng vùng nguyên liệu của Công ty đến 30/12/2010:

- Diện tích mía đầu tư của Công ty: 4.701 ha. Trong đó :

Mía trồng mới : 2.664,64 ha; Mía lưu gốc : 2.037,21 ha.

+ Số hộ ký hợp đồng nhận đầu tư 2.145 hộ.

+ Giá trị nợ đầu tư : 69.760.000.000 đồng.

+ Chủng loại và cơ cấu giống mía hiện có trong vùng nguyên liệu : F156, My5-14, R570, Roc 16, Roc 26, Roc 25, R579, K84-200, K88-65, K88-92, VD 86-368, QD 93-159, VN84-422, K95-156. (Phụ lục 1: Bảng tổng hợp cơ cấu giống)

Phân loại theo nhóm: Chín sớm 27,72%; Chín trung bình: 38%; Chín muộn: 34,28%

+ Giống mía mới :Ngoài các loại giống hiện có, Từ vụ 2009-2010-2011 đã phát triển được 140ha giống mới gồm 4 loại K88-65; QD-93-159 ; SUPABURI 7, K88- 92 đang phát triển tốt.

- Mặc dù vùng nguyên liệu của công ty cổ phần mía đường 333 đã được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt quy hoạch tại quyết định số 3911/QĐ-UBND ngày 31/12/2009 trên cơ sở các văn bản thoả thuận của các xã và đề nghị của UBND hai huyện Eakar và M'Đrăk, nhưng trong thực tế vẫn còn manh mún, nhỏ lẻ.

- Sự cạnh tranh quyết liệt giữa các loại cây trồng như cây sắn, ngô, đậu..v.v làm thu hẹp diện tích vùng nguyên liệu mía.

Sự cạnh tranh đầu tư, thu mua vẫn diễn ra gay gắt giữa các nhà máy đường trong khu vực gây khó khăn cho việc thu mua nguyên liệu, thiếu hụt sản lượng và thất thoát vốn đầu tư.

- 30% trên tổng diện tích do đồng bào các dân tộc thiểu số quản lý. Hầu hết là những hộ nghèo, tập quán canh tác lạc hậu. Công tác khuyến nông áp dụng chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật gặp nhiều khó khăn.

- Về Thủy lợi : Do đặc điểm về địa hình và hệ thống sông suối khá thuận lợi, trong vùng có 43 hồ chứa và 21 trạm bơm đã được Nhà nước đầu tư xây dựng từ trước nhưng chủ yếu để phục vụ tưới tiêu cho 8.300 ha lúa nước và 6.900 ha cà phê. Việc sử dụng các công trình thủy lợi để tưới mía còn rất hạn chế, khoảng 85% đến 90% diện tích mía phụ thuộc vào nước trời. Diện tích mía được tưới chiếm tỷ lệ thấp (600 ha, chiếm >10% tổng diện tích), do đó năng suất bình quân trong vùng chưa cao. Diện tích có nước tưới chủ yếu nằm ở địa hình bằng phẳng, tương đối thấp, những diện tích có tưới năng suất cao hơn không tưới từ 25 - 30%.

- Về giao thông : Quốc lộ 26 chạy xuyên giữa vùng nguyên liệu, là tuyến đầu mối nối các tuyến đường liên huyện, xã đã được nâng cấp, sửa chữa rất thuận tiện cho việc vận chuyển. 15 tuyến đường liên xã với hơn 200km đã được đầu tư gồm : 48km đường đất tự nhiên, 104 km đường cấp phối, 50km đường nhựa. Hệ thống đường giao thông vận chuyển nội vùng kém, đều là đường đất, chiều rộng mặt đường hẹp, tình trạng hư hỏng diễn ra thường xuyên, đặc biệt vào mùa mưa, nhiều tuyến đường liên tục bị chia cắt.

2.2.2. Chính sách đầu tư, thu mua tiếp nhận mía của Công ty :

Hàng năm, Công ty ban hành quy chế đầu tư và thu mua mía nguyên liệu nhằm đảm bảo đủ nguyên liệu mía cho hoạt động sản xuất ổn định, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa Công ty và người trồng mía. Các chính sách chủ yếu như sau :

2.2.2.1.Chính sách đầu tư :

- Đối tượng nhận đầu tư: Các Doanh nghiệp, HTX, các Tổ trồng mía, các hộ nông dân trồng mía trên địa bàn các xã, huyện trong vùng được quy hoạch. Đất trồng mía có diện tích $\geq 0,5$ ha. Có đường giao thông vận chuyển xe trọng tải lớn vào ruộng mía dễ dàng. Cự ly vận chuyển về nhà máy dưới 40km.

- Hình thức đầu tư:

Đầu tư trực tiếp: Công ty trực tiếp đầu tư bằng hiện vật bao gồm: giống, phân bón và tiền mặt tới các hộ trồng mía.

Đầu tư ứng trước theo hợp đồng bao tiêu sản phẩm: Công ty ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm mía nguyên liệu với các chủ hộ trồng mía và cho ứng trước một phần tiền công đôn chặt.

- Định mức đầu tư: *với phương châm Công ty và người trồng mía cùng đầu tư*

+ Mía trồng mới: 16 - 18 triệu đồng/ha, *gồm:* phân bón, giống, tiền mặt.

+ Mía lưu gốc: 10 triệu đồng/ha, *gồm:* phân bón, tiền mặt.

Lãi suất: Tính theo lãi suất cho vay của ngân hàng thương mại vào thời điểm nhận đầu tư (*Không tính lãi suất đối với phân vi sinh, không tính lãi suất đối với giá trị một số giống mía mới do Công ty đưa vào khảo nghiệm trong vùng nguyên liệu*)

2.2.2.2.Chính sách thu mua:

- **Hình thức thu mua mía:** Mua mía theo chữ đường, đơn giá mua tính cho mía sạch 10CCS tại ruộng, qua cân tại NM. Cước vận chuyển mía được tính riêng trả cho người vận chuyển; Mua mía tại NM do chủ hộ tự vận chuyển đến, đơn giá mua tính riêng và cước vận chuyển được tính riêng cho chủ mía tự vận chuyển. Hoặc mua mía xô không đo chữ đường tại ruộng.

- **Giá mua mía :** Mức giá sàn (*mức giá tối thiểu được Công ty bảo hiểm*) 01 tấn mía sạch có chữ đường 10CCS tại ruộng trên phương tiện vận chuyển của Công ty, được tính giá trị tương ứng 55 kg đường kính trắng RS (giá không VAT) tại kho nhà máy.

Giá mua mía sẽ được Công ty công bố cụ thể trước vụ ép 07 ngày trên cơ sở khuyến cáo của Hiệp hội mía đường và thị trường khu vực nhưng không thấp hơn mức giá sàn được bảo hiểm.

2.2.2.3. Vận chuyển mía:

Để đảm bảo công tác vận chuyển theo phương thức mua mía tại ruộng, chi phí và trách nhiệm vận chuyển công ty chịu. Ngoài lượng xe của Công ty, hàng năm căn cứ nhu cầu, Công ty ký hợp đồng vận chuyển với các HTX, chủ phương tiện vận tải trên cơ sở thỏa thuận về giá cước (biểu cước được xác lập theo từng vùng mía và tính toán hàng năm).

2.2.2.4. Các chính sách hỗ trợ:

- **Đối với địa phương:** Công ty hỗ trợ công tác quản lý vùng nguyên liệu cho các xã, thị trấn với mức 1.000 đồng/tấn mía sạch về nhà máy. Các xã, thị trấn có đóng góp lớn trong công tác quản lý vùng nguyên liệu. Công ty sẽ xem xét cụ thể & hỗ trợ .

- **Đối với người trồng mía và bán mía cho Công ty:** Công ty hỗ trợ chi phí đầu tư và thu mua cho các hộ trồng và bán mía cho Công ty có đăng ký từ đầu vụ với các chỉ tiêu và mức hỗ trợ như sau:

+Mức hỗ trợ 20.000.000 đ: Diện tích mía từ 10 ha trở lên; NSBQ đạt từ 65 tấn/ha trở lên; Trả nợ đạt 100% kế hoạch.

+ Mức hỗ trợ 15.000.000đ: Diện tích mía từ 10 ha trở lên; NSBQ đạt từ 60 tấn/ha trở lên; Trả nợ đạt 100% kế hoạch.

+ Mức hỗ trợ 10.000.000 đ: Diện tích mía từ 10 ha trở lên; NSBQ đạt từ 55 tấn/ha trở lên; Trả nợ đạt 100% kế hoạch.

Hàng năm trong quá trình thực hiện, tùy theo tình hình thực tế, Công ty bổ sung các chính sách hỗ trợ: Hỗ trợ thu hoạch đầu vụ, cuối vụ từ 30.000 đ đến 40.000 đ/tấn; Hỗ trợ lãi suất từ 50 đến 100% đối với diện tích mía thu hoạch cuối vụ; Hỗ trợ chuyển đổi cây trồng khác sang trồng mía từ 1.000.000 đ đến 1.200.000 đ/ha.

2.2.3. Hợp đồng và việc thực hiện hợp đồng đầu tư, bao tiêu sản phẩm:

Trên tinh thần Quyết định 80/CP về khuyến khích tiêu thụ nông sản hàng hóa thông qua hợp đồng. Bước vào vụ trồng, chăm sóc mía hàng năm. Công ty ký hợp đồng đầu tư & mua bán mía nguyên liệu và hợp đồng bao tiêu sản phẩm với các hộ trồng mía, với các HTX, tổ đại diện trên cơ sở kế hoạch sản xuất đã lập phù hợp với năng lực sản xuất.

Việc ký kết hợp đồng đem lại lợi ích về cả hai phía: Đối với người trồng mía là sự đảm bảo mía làm ra được tiêu thụ hết với mức giá tối thiểu được thông báo trước, đối với doanh nghiệp là sự đảm bảo tương đối chắc chắn đủ nguồn nguyên liệu đầu vào cho sản xuất, trên cơ sở hài hòa, cùng chia sẻ lợi ích giữa các bên.

Từ năm 2006 đến 2011, trên 95% số hợp đồng được ký kết theo hình thức nhận đầu tư ứng trước. Dưới 5% là hợp đồng bao tiêu sản phẩm được ký trước khi vào vụ sản xuất. Số hộ ký hợp đồng ít biến động qua các năm. Sự biến động chủ yếu do tăng quy mô vùng nguyên liệu từ năm 2010. Năm 2006: 1.741 hộ; Năm 2007: 1.898 hộ; Năm 2008: 1.801 hộ; Năm 2009: 1684 hộ; Năm 2010: 2.301 hộ.

Đánh giá về việc thực hiện hợp đồng:

Nhìn chung, việc thực hiện hợp đồng tiêu thụ mía trong những năm qua diễn ra theo chiều hướng tốt. Sản lượng mía thu mua theo hợp đồng hàng năm đáp ứng cơ bản đủ cho Nhà máy sản xuất, thu hồi nợ đầu tư đạt theo kế hoạch, giá mua mía trên mức giá sàn cam kết, đảm bảo cho người trồng mía luôn có lãi và thu mua hết sản lượng mía trong vùng. Số hộ vi phạm hợp đồng như: không thực hiện, bán không đủ sản lượng, không trả nợ hoặc trả không đủ có xu hướng giảm dần.

Tuy nhiên vẫn còn rất nhiều những bất cập từ cả hai phía trong quá trình thực hiện hợp đồng do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan.

- Về phía công ty: Thời gian thu hoạch chậm trễ, kéo dài do an toàn thiết bị thấp, thời tiết bất lợi, tổ chức lịch thu hoạch thiếu khoa học ...ảnh hưởng đến chất lượng ruộng mía vụ sau của hộ nông dân; Công tác đầu tư, thu mua, vận chuyển còn nhiều bất cập, còn hiện tượng nhũn, thiếu công tâm gây bất bình cho người trồng mía; Tình trạng bảo hiểm chũr đường, mua xô làm cho người nông dân có xu hướng canh tác ít chú trọng đến chất lượng; Điều hành giá mua chưa linh hoạt theo từng thời điểm, theo biến động của thị trường và tình hình cạnh tranh trong khu vực, những hộ chặt mía cuối vụ bị thiệt thòi về thu nhập

- Về phía người trồng mía: hàng năm vẫn còn nhiều hộ không thực hiện đúng theo hợp đồng đã ký. Tự ý bán mía cho thương lái, cho Nhà máy khác vì chạy theo giá, trốn trả nợ và tâm lý muốn thu hoạch sớm. Nhất là các hợp đồng bao tiêu sản phẩm thường không bán, hoặc bán không đủ số lượng khi sự cạnh tranh nguyên liệu tăng cao vào thời điểm thu hoạch chính vụ; Thu hoạch mía không đúng theo quy định của hợp đồng, để nhiều rác, ngọn non, đốn mía trước lịch quá thời gian quy định gây

tồn thất cho Công ty khi đưa vào chế biến; Gây áp lực để đón chính vụ, từ chối thu hoạch khi thời tiết chưa thuận lợi dù đã đến lịch làm ảnh hưởng không nhỏ đến kế hoạch sản xuất của Công ty, dẫn đến thất thoát nợ đầu tư, kế hoạch thu hồi nợ

2.2.4. Phân tích hiệu quả, lợi thế so sánh giữa cây mía và cây trồng khác:

Trên địa bàn 2 huyện Ekar và Mdrác, các cây trồng chủ lực là cây lâm nghiệp, cây nguyên liệu giấy, cà phê, tiêu, mía, mì, bắp và cây họ đậu. Mặc dầu có định hướng của địa phương và các chính sách hỗ trợ phát triển của Công ty, nhưng trồng cây gì để mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất trên một đơn vị diện tích là quyền của người nông dân.

Qua tổng hợp điều tra hiệu quả kinh tế của cây mía và các cây trồng khác, hiện nay cây mía chịu sự cạnh tranh cao của cây mì, cây bắp lai, là cây trồng thích hợp với đặc điểm thổ nhưỡng trong vùng, gần đây là cao su tiểu điền nhưng hiệu quả của cây cao su chưa kiểm chứng và tính cạnh tranh chưa cao. Tuy nhiên, hiện nay do thiếu nước tưới, chủ yếu phụ thuộc nước trời, cây mía có đầu ra đảm bảo và ổn định, giá cả của bắp và mì bắp bênh, người dân trồng mía được vay vốn đầu tư nên đa số vẫn yên tâm trồng mía so với trồng bắp và mì.

So sánh thu nhập bình quân của mía và bắp lai, cây mì năm 2010/2011 :

- Cây mía: (Phụ lục 2a: bảng tính hiệu quả đầu tư cây mía)

Bình quân thu nhập trên 1 ha mía/vụ : 51 triệu đồng; Với năng suất BQ : 56,5tấn/ha lãi thuần : 18,5 triệu đồng/ha/năm(vụ), trong đó :

+ Mía trồng mới: Tổng mức đầu tư 42,15 triệu đồng/ha, với năng suất 60 tấn/ha thu nhập 54 triệu đồng/ha , lãi thuần 6,2 triệu đồng/ha

+ Mía lưu gốc 1: Tổng mức đầu tư 22 triệu đồng/ha, với năng suất 60 tấn/ha thu nhập 54 triệu đồng/ha , lãi thuần 29,65 triệu đồng/ha.

+ Mía lưu gốc 2: Tổng mức đầu tư 22,35 triệu đồng/ha , với năng suất 50 tấn/ha thu nhập 45 triệu đồng/ha , lãi thuần 19,89 triệu đồng /ha.

- Cây bắp lai : Cây bắp lai 1 năm 2 vụ. (Phụ lục 2b: bảng tính hiệu quả đầu tư)

Tổng mức đầu tư 1 năm 48,2 triệu đồng/ha, năng suất 12 tấn/ha, thu nhập 66 triệu đồng/ha, lãi thuần : 14,16 triệu đồng/ha.

- Cây mì : (Phụ lục 2b)

Tổng mức đầu tư 1 năm 22,75 triệu đồng/ha, năng suất 25 tấn/ha, thu nhập 40 triệu đồng/ha, lãi thuần : 14,70 triệu đồng/ha.

Bảng 2.2: So sánh doanh thu, chi phí và lợi nhuận bình quân giữa trồng mía và trồng bắp, mì trong vụ 2010/2011:

	Chỉ tiêu Bình quân/năm	Trồng mía (Đồng)	Trồng bắp (Đồng)	Trồng mì (Đồng)	% tăng(+); giảm(-)	
					Mía/bắp	Mía/mì
1	Doanh thu	51.000.000	66.000.000	40.000.000	- 23%	+28%
2	Chi Phí	28.833.000	48.200.000	22.745.000	-41%	+27%
3	Lãi vay	3.6120.000	3.636.000	3.554.000	-0.6%	+1,6%
4	Lợi nhuận	18.554.000	14.164.000	13.700.000	+31%	+35%

Từ bảng so sánh trên cho thấy: Cây mía chi phí trung bình nhưng lợi nhuận cao hơn 30% so với cây bắp lai và 35% so với cây mì.(Tính theo thời giá năm 2010 và 6 tháng đầu năm 2011).

Ngoài ra, còn có những lợi thế so sánh khác:

- Cây mía năng suất ít biến động trước thời tiết bất lợi, trong điều kiện không có hệ thống tưới tiêu, chủ yếu nhờ nước trời, do thời gian sinh trưởng dài, khả năng chịu hạn tốt nên cây mía hạn chế tối đa việc mất mùa do thiên tai so với các cây trồng ngắn ngày khác, giá mía ổn định, cây mía còn có chức năng cải tạo đất trong chu kỳ canh tác nhờ hệ thống nốt sần ở bộ rễ.

- Cây bắp phụ thuộc rất nhiều vào thời tiết, lượng mưa ... nguy cơ mất mùa cao, năng suất, giá cả không ổn định, điệp khúc: “ đượ mùa, mất giá”, “đượ giá, mất mùa” xảy ra thường xuyên.

- Cây mì tuy chi phí thấp, đầu ra ổn định nhưng giá cả vẫn bấp bênh hơn cây mía, và làm cho đất chóng bạc màu, nên phải thường xuyên luân canh.

Những lợi thế nêu trên của cây mía tạo đà thuận lợi cho Công ty trong việc quy hoạch mở rộng vùng nguyên liệu và thuyết phục, tuyên truyền người dân trồng mía.

2.2.5.Kết quả việc thực hiện hợp đồng qua các chỉ tiêu: diện tích, sản lượng, thu nợ từ năm 2006 đến 2010.

Bảng 2.3: Kết quả thực hiện hợp đồng từ 2006-2010

T T	CHỈ TIÊU	Đ VT	VỤ	VỤ	VỤ	VỤ	VỤ	GHI CHÚ
			06/07	07/08	08/09	09/10	10/11	
1	Số hộ hợp đồng	Hộ	1.741	1.898	1.801	1.684	2.301	

2	DTmía đầu tư	Ha	3.012	3.260	3.040	2.826	4.701	
	Tr.đó: T.mới	Ha	1.864	880	1.062	1.161	2.665	
	Lưu gốc	Ha	1.148	2.380	2.021	1.665	2.037	
3	DT mía bao tiêu	Ha	33			179		
4	Diện tích BQ/hộ	Ha	1,73	1,72	1,69	1,68	2,04	
5	Mía NL sản xuất	Tấn	134.378	126.394	113.631	107.086	250.764	
6	Mía bán NM khác	Tấn	23.246	14.870	5.432			
7	Mía giống	Tấn	7.950	10.060	12.730	26.500		
8	Năng suất BQ	tấn/ ha	54.37	46.58	43,35	45.1		
9	Tỷ lệ tạp chất	%	3,9	4,3	4,4	5,1	5,5	
10	Chỉ đường BQ	CCS	11,93	11,35	11,61	11,85	11,23	
11	Giá trị đầu tư NL	triệu đ	26.223	26.999	31.344	30.422	78.608	
12	KH thu nợ đầu tư	triệu đ	19.205	21.397	26.250	24.165	55.164	
13	Thực hiện thu nợ	triệu đ	17.592	21.280	25.427	23.052	54.426	
14	Tỷ lệ thu hồi nợ	%	91,60	99,45	96,86	95,39	98,66	

(Nguồn: Báo cáo sản xuất phòng kiểm nghiệm, phòng nông vụ từ vụ 06/07 đến vụ10/11).

Nhìn chung, việc thực hiện hợp đồng trong những năm qua đã đem lại lợi ích cho cả 2 bên. Hàng năm cơ bản đáp ứng đủ nguyên liệu cho Nhà máy sản xuất, chất lượng mía ổn định. Vụ 06/07 và 07/08 dư mía, Công ty chủ động điều tiết cho nhà máy khác để đảm bảo thời gian thu hoạch đã ký kết với người nông dân. Tỷ lệ thu hồi nợ đầu tư tốt dần qua các năm. Đa số hộ nông dân thực hiện đúng hợp đồng đã ký, giá mua mía đảm bảo cho doanh nghiệp và hộ trồng mía đều có lãi.

Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế: Thời gian thu hoạch chậm trễ, kéo dài so với hợp đồng đã ký do an toàn thiết bị thấp, thời tiết bất lợi. Hàng năm vẫn còn nhiều hộ không thực hiện đúng theo hợp đồng đã ký không bán, hoặc bán không đủ số lượng

khi sự cạnh tranh nguyên liệu tăng cao vào thời điểm thu hoạch chính vụ; Thu hoạch mía không đúng theo quy định của hợp đồng, để nhiều rác, ngọn non, đốn mía trước lịch quá thời gian quy định gây tổn thất cho Công ty khi đưa vào chế biến. Việc trả nợ thiếu kế hoạch, tỷ lệ nợ xấu, nợ khó đòi có nguy cơ thất thoát vẫn còn tồn tại. Năng suất mía phản ánh chưa đúng hiện thực do tình trạng thất thoát nguyên liệu.

2.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN Ở VÙNG NGUYÊN LIỆU CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG 333

2.3.1. Các chính sách của Nhà nước và định hướng phát triển của địa phương:

Các cơ chế, chính sách của Nhà nước đã tạo nền tảng và động lực cho ngành mía đường Việt Nam nói chung và Công ty cổ phần mía đường 333 phát triển. Cụ thể :

- Quyết định số 28/2004/QĐ-TTg ngày 04/3/2004 của Thủ tướng chính phủ về việc tổ chức lại sản xuất và thực hiện một số giải pháp xử lý khó khăn đối với các Nhà máy, Công ty đường. Chủ trương cổ phần hóa, tháo gỡ những khó khăn tài chính đã giúp Công ty chuyển từ giai đoạn sản xuất thua lỗ sang giai đoạn liên tục có lãi, tăng trưởng bền vững.

- Quyết định số 26/2007/QĐ-TTg ngày 15/02/2007 của Thủ tướng chính phủ về quy hoạch phát triển mía đường đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg ngày 24/6/2002 về chính sách khuyến khích tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng đã giúp ổn định được vùng nguyên liệu, tạo mối quan hệ gắn kết giữa sản xuất nguyên liệu gắn với chế biến, tiêu thụ, giữa Công ty và người trồng mía trên cơ sở hài hòa lợi ích giữa các bên.

- Quyết định số 58/2005/QĐ-BNN ngày 03/10/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành quy chế phối hợp trong sản xuất, tiêu thụ mía đường phần nào làm giảm việc đẩy giá mua bất hợp lý để cạnh tranh nguyên liệu, tiến đến quy hoạch, ổn định vùng nguyên liệu cho các nhà máy.

- Trên địa bàn 2 Huyện Eakar và Mdrác, sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế. Thế mạnh của các loại cây công nghiệp được khẳng định bằng tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trong những năm gần đây. Trong đó, giá trị của cây mía chiếm tỷ trọng lớn trong tổng giá trị ngành công nghiệp. Định hướng của chính quyền địa phương trong giai đoạn tới tăng tỷ trọng sản phẩm nông nghiệp qua chế biến nhằm gia tăng giá trị sản xuất nông sản hàng hóa, đặc biệt là huyện Mdrác xem cây mía là cây trồng chủ lực góp phần giảm nghèo, tiến

đến làm giàu cho bà con nông dân. Trên cơ sở của Quyết định 26; Quyết định 58, Công văn 495/CB-CBBQ ngày 13/8/2007 Cục CBNLS và nghề muối về việc quy hoạch phát triển mía đường tại Tỉnh Đắk Lắk, theo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội và quy hoạch sử dụng đất Tỉnh Đắk Lắk, huyện Eakar, huyện Mdrác đến năm 2020, UBND Tỉnh Đắk Lắk đã đồng ý chủ trương tăng diện tích mía trên 2 huyện Eakar và MDrác, diện tích mở rộng chủ yếu từ quỹ đất trồng màu (hiện đang trồng đậu, bắp, mì) và một phần khai thác trên đất chưa sử dụng. Đây là chủ trương hết sức thuận lợi cho việc xây dựng quy hoạch vùng nguyên liệu cho Công ty cổ phần mía đường 333 và một phần cho Nhà máy khác ngoài tỉnh nhằm tránh việc cạnh tranh nguyên liệu không lành mạnh trong những năm qua tại Đắk Lắk.

2.3.2. Công tác quy hoạch vùng nguyên liệu:

Trong công tác quản lý và phát triển vùng nguyên liệu của bất kỳ một công ty nào thì giai đoạn đầu tiên và cũng là rất quan trọng là quy hoạch xây dựng và phát triển vùng nguyên liệu. Căn cứ vào quy hoạch để xây dựng, quản lý và phát triển vùng nguyên liệu.

Song hành cùng với dự án nâng công suất giai đoạn 1 từ 800TMN lên 1.800TMN từ vụ 2010/2011 và giai đoạn 2 lên 2.500TMN từ năm 2012, có tính đến công suất > 3.500 đến 4.000 TMN những năm tiếp theo. Vùng nguyên liệu của công ty đã được điều chỉnh quy hoạch theo quyết định số 3911/QĐ-UBND ngày 31/12/2009 V/v quy hoạch vùng nguyên liệu mía đường của Công ty cổ phần mía đường 333 của UBND Tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở các văn bản thỏa thuận từ cấp xã, thị trấn đến cấp Huyện. Theo đó tổng diện tích được quy hoạch là 7.915 ha tập trung trên 16 xã, thị trấn thuộc 2 huyện Eakar và M'đrác. Trong đó: Eakar 4.565 ha; Mdrác 3.350 ha.

Cự li vùng nguyên liệu có bán kính xa nhất về nhà máy là < 50 km (60% diện tích có bán kính < 30 km). Đây là một trong những lợi thế quan trọng của vùng nguyên liệu.

- Quan điểm xây dựng phát triển vùng nguyên liệu :

+ Coi nguyên liệu là yếu tố sống còn của Công ty, gắn bó chặt chẽ giữa Công ty với địa phương và người trồng mía.

+ Phát triển vùng nguyên liệu theo hướng bền vững, theo quy hoạch được phê duyệt, đảm bảo hài hòa lợi ích của Công ty, người trồng mía, Nhà nước và xã hội.

- Mục tiêu xây dựng và phát triển vùng nguyên liệu :

+ Đáp ứng đủ nguyên liệu cho Nhà máy 2.500TMN, hoạt động bình quân 130 đến 140 ngày/năm. Có tính đến công suất 3.500 – 4.000 TMN đến năm 2020.

+ Ổn định diện tích mía theo quy hoạch, tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng, đầu tư thâm canh tăng năng suất, chất lượng mía, đảm bảo năng suất bình quân đạt trên 60 tấn/ha vào năm 2015 và trên 70 tấn/ha vào năm 2020.

2.3.3. Các điều kiện về kinh tế-Xã hội:

Vùng nguyên liệu được quy hoạch của Công ty trải rộng trên địa bàn 16 xã, thị trấn thuộc 2 Huyện Eakar và Mdrāk. Với hơn 100.000 lao động chiếm 49% dân số của 2 Huyện.

2.3.3.1 Đặc điểm kinh tế, xã hội huyện Eakar:

Eakar là huyện có vị trí địa lý thuận lợi để phát triển kinh tế đa dạng về công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ.

Diện tích đất sản xuất nông nghiệp 50.155 ha chiếm 48,34% diện tích tự nhiên. Dân số 144.004 người(Năm 2009). Điều kiện tự nhiên với khí hậu ôn hòa, đất đai, nguồn nước phong phú đa dạng, thuận lợi để phát triển cây trồng, chăn nuôi gia súc.

Cộng đồng dân cư mang nhiều đặc điểm đa dạng, phong phú của các vùng miền khác nhau, cần cù, năng động, sáng tạo, có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp, đặc biệt đối với cây mía.

Kinh tế của Huyện có những bước phát triển khá nhanh, tốc độ bình quân tăng trưởng bình quân 11%/năm. Đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân trong vùng từng bước được cải thiện đáng kể.

Sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế của Huyện. Những cây trồng chính: bắp 20.640 ha, cà phê 6.970 ha, lúa nước 8.350 ha. Diện tích mía hiện có: 4.000 ha chiếm 8% tổng diện tích đất nông nghiệp.

Tuy nhiên, nền kinh tế của Huyện còn gặp những khó khăn:

- Cơ sở hạ tầng đã được quan tâm đầu tư nhưng vẫn còn nhiều bất cập, đặc biệt là hệ thống đường giao thông nông thôn còn tỷ lệ đường đất cao, các trục đường phục vụ sản xuất còn gặp nhiều khó khăn.

- Khả năng tăng trưởng chưa bền vững, cơ cấu kinh tế chưa hợp lý, hiệu quả và sức cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp thấp do hạn chế về công nghệ chế biến sau thu hoạch.

- Tuy dân số trẻ nhưng chất lượng nguồn nhân lực không cao.

2.3.3.2 Đặc điểm kinh tế xã hội Huyện M’Đrăc:

Nằm ở phía đông Tỉnh Đắk Lắk, Diện tích đất nông nghiệp 24.603 ha chiếm 18,41% diện tích tự nhiên. Dân số 66.292 người gồm 17 dân tộc khác nhau. Nền kinh tế của Huyện đã và đang chuyển dịch theo hướng Nông lâm nghiệp – Công nghiệp và dịch vụ. Đời sống kinh tế, xã hội đang dần được cải thiện và nâng cao rõ rệt. Tuy nhiên, Huyện M’Đrăc vẫn là huyện nghèo của Tỉnh, tỷ lệ hộ nghèo năm 2009 chiếm 25%.

Nền kinh tế của Huyện gặp rất nhiều khó khăn, trở ngại do:

- Tài nguyên thiên nhiên thuộc loại nghèo trong tỉnh, đất có khả năng sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ trọng thấp 18,41%, đất xấu, tầng canh tác mỏng, hệ thống thủy lợi chỉ đáp ứng được 8% diện tích đất nông nghiệp.

- Hạ tầng kỹ thuật đầu tư không đồng bộ, phát huy hiệu quả thấp, nguồn ngân sách của Nhà nước và của Huyện không đáp ứng kịp với việc xuống cấp của cơ sở hạ tầng ảnh hưởng đến việc phát triển sản xuất.

- Thời tiết bất lợi cho sản xuất nông nghiệp: hạn hán kéo dài, mưa lớn tập trung vào tháng 9 tháng 10 gây tình trạng lũ quét, ngập úng cục bộ.

- Dân cư chủ yếu là đối tượng kinh tế mới từ các tỉnh phía bắc vào, tiềm lực kinh tế còn rất nhiều hạn chế. Kinh nghiệm sản xuất cây lâm nghiệp, công nghiệp dài và ngắn ngày còn thiếu.

2.3.4. Các điều kiện tự nhiên, sinh thái:

2.3.4.1 Địa hình, đất đai:

*** Địa hình trong vùng nguyên liệu gồm các dạng:**

- Dạng núi cao, sườn dốc, thảm thực vật nhiều nơi còn là rừng nguyên thủy như khu bảo tồn thiên nhiên Easô

- Dạng gò đồi, dốc thoải hình bát úp nối tiếp có đỉnh bằng đất đai chủ yếu đất xám có nguồn gốc đá mẹ, độ cao trung bình 450m, đây là dạng địa hình chính có khả năng khai thác sản xuất nông nghiệp và là vùng trung tâm sản xuất mía của Công ty.

- Địa hình thấp trũng phân bố dọc khe suối, sông, các trục đường quốc lộ, tỉnh lộ, địa hình bằng phẳng, thuộc nhóm đất phù sa, dốc tụ, là khu vực có khả năng tưới, phần lớn đã được khai thác trồng lúa nước, một số ít trồng mía.

Dạng địa hình đồi dốc thoải – địa hình chủ yếu trong vùng khi khai thác trồng mía gặp khó khăn trong khâu làm đất, vận chuyển, tưới.

* **Đất đai** : Đặc điểm thổ nhưỡng trong vùng nguyên liệu gồm 5 nhóm đất chính (Theo kết quả điều tra chương trình phân hạng đất nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh Đắk Lắk của Phân viện quy hoạch & TKNN miền Trung)

- Nhóm đất phù sa có đặc trưng màu nâu xám, tầng đất dày, thành phần cơ giới thịt nhẹ, rất phù hợp cho cây mía sinh trưởng và phát triển.

- Nhóm đất xám có cấu tượng rời rạc, thành phần cơ giới cát pha đến thịt nhẹ, tầng đất mỏng, hàm lượng hữu cơ thấp, phân bố hầu hết ở các xã trong vùng nguyên liệu. Hiện nay có khoảng trên 50% diện tích mía trong vùng trồng trên loại đất này.

- Nhóm đất đỏ vàng chiếm diện tích lớn nhất có tầng đất dày trên 70cm, thành phần cơ giới thịt nặng, kết cấu viên, độ xốp cao, thấm thoát nước tốt, đất giàu đạm và chất hữu cơ. Phân bố trên diện rộng trong vùng, hầu hết diện tích đã khai thác trồng cà phê, một số ít được khai thác trồng mía cho năng suất cao.

- Đất thung lũng, dốc tụ phân bố ở ven các hợp thủy, địa hình trũng, thích hợp và đã khai thác trồng lúa nước.

- Nhóm đất lầy: Phân bố ở địa hình trũng thấp, sinh lầy không phù hợp với cây mía.

2.3.4.2 Thời tiết khí hậu:

Mang đặc điểm của khí hậu cao nguyên, nhiệt độ cao đều trong năm, với hai mùa tương đối rõ nét, lượng mưa trung bình, mưa muộn kéo dài từ Tháng 4 đến tháng 11.

***Nhiệt độ, ánh sáng :**

Nhiệt độ cao đều trong năm, cao nhất 40°C thấp nhất 11,6°C, trung bình 23°C, nền nhiệt độ rất thuận lợi cho các loại cây nông nghiệp trong đó có cây mía. Biên độ nhiệt độ giữa ngày và đêm lớn 9 -12°C, vào thời kỳ mía chín, biên độ này giúp đẩy nhanh quá trình tích lũy đường, đây là yếu tố tự nhiên thuận lợi làm tăng chất lượng mía trong vùng nguyên liệu của công ty. Tổng nhiệt độ trong năm 8.600°C.

Ánh sáng dồi dào, thời gian chiếu sáng các ngày trong năm cao, dao động trong khoảng 210-240 giờ/tháng. Tổng thời gian chiếu sáng từ 2300 đến 2400 giờ/năm.

***Chế độ mưa**

Lượng mưa trung bình khá lớn trên 1.710mm/năm chia thành hai mùa: Mùa mưa (với lượng mưa > 100mm/tháng) từ tháng 4 đến tháng 11, đạt cực đại vào tháng 10,11 trùng với mùa bão lũ, áp thấp, lũ quét nên gây nhiều thiệt hại cho các công trình thủy lợi nhỏ, giao thông nội vùng, ngã đổ mía làm giảm năng suất, chất lượng mía; Mùa

khô(với lượng mưa trung bình < 100mm) từ cuối tháng 11 đến hết tháng 4, đây là thời kỳ thuận lợi cho công tác thu hoạch , chế biến mía đường. Dựa vào đặc điểm này, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất vụ từ tháng 12 đến hết tháng 4 hàng năm với thời gian sản xuất từ 120 đến 140 ngày/vụ.

Trong điều kiện hạn chế về nước tưới hiện nay, lượng mưa trên phù hợp cho cây mía, loại cây có sinh khối lớn cần nước để phát triển. Nhưng năng suất mía trong vùng chưa cao, không ổn định do phụ thuộc hoàn toàn vào thời tiết từng năm; Vào các tháng mùa khô lượng mưa rất thấp, không đủ nước để đáp ứng cho sự phát triển bình thường của cây mía vì vậy cần có các giải pháp thủy lợi để cung cấp nước tưới cho mía.

*** Độ ẩm**

Độ ẩm không khí trung bình trong năm 84%, lượng nước bốc hơi trung bình 809mm phù hợp cho cây mía phát triển, mức độ khô hạn không gay gắt như ở khu vực các huyện trung tâm và phía tây Tỉnh Đắk Lắk.

2.3.4.3. Tài nguyên nước

- Nguồn nước mặt gồm hệ thống Sông Ba có 2 nhánh sông chính: Sông Krông Hnăng chảy bao quanh phía bắc Huyện Mdrác và các xã Huyện Eakar cung cấp nguồn nước cho sản xuất và sinh hoạt trong vùng; Sông Krông Hin cung cấp chủ yếu nguồn nước cho huyện Mdrak. Ngoài ra vùng hạ lưu Sông Krông Păk phía Nam Huyện Eakar có lưu lượng lớn, là những điều kiện để triển khai các dự án thủy điện, thủy lợi phục vụ cho tưới tiêu mía trong tương lai.

- Nước ngầm dưới đất theo dự báo của Liên đoàn địa chất 704 công bố năm 1994 phần lớn tầng địa chất trong khu vực nghèo nước ngầm, lưu lượng thấp, ngày càng cạn kiệt do nạn phá rừng.

Hiện nay, đa số diện tích mía được trồng trên địa hình đồi, dốc thoải. Việc khai thác các công trình thủy lợi hiện có vào sản xuất là rất khó khăn. 10% diện tích có tưới hiện tại là áp dụng phương pháp đào ao tại những nơi hợp thủy để chứa nước tưới vào mùa khô.

2.3.5. Yếu tố kỹ thuật, công nghệ:

Thiết bị của Nhà máy đường Eaknốp ban đầu là dây chuyền cũ mua của Trung Quốc từ 1997 với công suất ban đầu 500TMN, sau nhiều lần cải tạo, nâng cấp và thay mới, đến nay công suất chế biến tối đa 1.800TMN. Công nghệ chế biến theo phương pháp Sunfit hóa- axít tính. Do chưa đồng bộ vì cải tạo từ máy cũ, nên an toàn thiết bị

không cao, biên độ công suất nhỏ nên khả năng đáp ứng nhu cầu thu hoạch khi vào chính vụ thấp, gây tình trạng thừa mía cục bộ, dẫn đến thất thoát nguyên liệu, thất thoát nợ đầu tư do người dân bán mía chạy nợ, sản xuất kéo dài gây thiệt hại về vụ mùa cho người nông dân khi thời tiết bất lợi về cuối vụ. Khả năng thu hồi đường trong mía hạn chế nên giá thành sản xuất cao, khó có điều kiện tăng giá mía để tăng thu nhập cho người trồng mía, để chống cạnh tranh với các nhà máy khác vào những năm thiếu hụt nguyên liệu. Trong giai đoạn 2 của dự án nâng công suất lên 2.500TMN, Công ty đang khắc phục những hạn chế của dây chuyền nhằm tăng hiệu suất thu hồi đường trong mía từ vụ 2011/2012.

2.3.6. Vấn đề cạnh tranh nguyên liệu giữa các Nhà máy trong khu vực; Giữa cây mía và cây trồng khác:

Vùng nguyên liệu của Công ty được đánh giá thuộc hạng tốt cả nước, có quỹ đất dồi dào, tập trung gần Nhà máy. Nhưng đã và đang bị cạnh tranh gay gắt với các nhà máy ngoài Tỉnh đặc biệt là trước năm 2005. Năm cao điểm có đến 6 nhà máy cùng tham gia tranh mua mía trong vùng. Do không phải đầu tư vào vùng nguyên liệu về vốn đầu tư, về cơ sở hạ tầng... các nhà máy đẩy giá dịch vụ, giá mua mía tăng cao hơn so với công ty để thu hút mía. Sự cạnh tranh không lành mạnh giữa các nhà máy đường với nhau trong việc thu gom mía nguyên liệu trong giai đoạn thiếu hụt nguyên liệu làm cho giá mía tăng cao, điều này đã tác động tiêu cực, làm tăng chi phí bảo vệ vùng nguyên liệu, gây khó khăn cho Công ty trong việc hoàn thành kế hoạch sản xuất, kế hoạch thu nợ, công tác xây dựng vùng nguyên liệu, ảnh hưởng đến lợi ích lâu dài của người trồng mía.

Vấn đề cạnh tranh nguyên liệu giữa các nhà máy với nhau cũng làm ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng mía như chặt mía non, để tấp chất cao, có hộ mía chưa đến lịch chặt thì đã chặt tràn lan với mong muốn là không nhà máy này thu mua thì có nhà máy khác, mía để lâu trên ruộng dẫn đến mía kém chất lượng khó chế biến. Điều này cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả trong quá trình chế biến.

Quy chế phối hợp trong sản xuất, tiêu thụ mía đường ban hành từ Quyết định 58/2005/QĐ-BNN đã làm dịu bớt tình hình cạnh tranh không lành mạnh trong vùng, nhưng tình hình cạnh tranh nguyên liệu vẫn còn xảy ra trong vùng nguyên liệu đã được quy hoạch của Công ty: diện tích đầu tư chồng lấn, đan xen đa báo, tranh mua mía đã

ký hợp đồng bao tiêu với công ty theo hình thức tại công nhà máy, tăng giá dịch vụ cho thương lái thu gom mía.

Một đe dọa khác đến từ vùng nguyên liệu của công ty: đó là sự cạnh tranh của các cây trồng ngắn ngày như cây mì, bắp, các loại cây họ đậu... và dài ngày như cao su, cây nguyên liệu giấy, cà phê, ca cao.... đối với cây mía.

Tuy nhiên, qua so sánh lợi thế đã phân tích ở trên đây và hiện nay giá mía liên tục ổn định ở mức cao nên cây mía vẫn khẳng định được tính vượt trội so với cây trồng khác trong vùng.

2.3.7. Những thuận lợi, khó khăn:

2.3.7.1 Thuận lợi:

- Cơ chế, chính sách của Nhà nước và định hướng phát triển, sự ủng hộ, tạo điều kiện của chính quyền các cấp ở địa phương đã tạo nền tảng và động lực cho công tác xây dựng phát triển vùng nguyên liệu.

- Vùng nguyên liệu đã được quy hoạch của Công ty có quỹ đất rất dồi dào, tập trung, gần nhà máy, với cự li <30km đây là lợi thế rất cơ bản của Công ty cho định hướng phát triển đến năm 2020 nâng công suất lên 4.000 TMN.

- Điều kiện về thổ nhưỡng, thời tiết khí hậu : chất đất, độ ẩm, nhiệt độ, độ chiếu sáng, lượng mưa trong vùng nguyên liệu... rất thuận lợi nên cây mía có chất lượng thuộc hạng cao nhất nước.

- Liên tục từ 2006 đến nay, giá đường ổn định ở mức cao do nhu cầu ngày càng tăng , giá mía tăng cao, cây mía có lợi thế so với cây trồng khác trong vùng. Năng lực đầu tư thâm canh và kỹ thuật canh tác mía của bà con nông dân trong vùng được nâng cao qua hơn 10 tích lũy về vốn và kinh nghiệm sản xuất.

- Dân số trong vùng thuộc loại trẻ, lực lượng lao động vào khoảng 100.000 người chiếm tỷ trọng cao trong tổng dân số (49 % dân số).

2.3.7.2. Khó khăn:

- Địa hình đã và sẽ khai thác trồng mía chủ yếu trong vùng là đồi bát úp nối tiếp, dốc thoải không thuận lợi cho việc áp dụng cơ giới hóa canh tác mía và xây dựng hệ thống thủy lợi, kênh mương tưới tiêu. Diện tích đất chủ yếu thuộc hạng thích nghi trung bình do hạn chế về điều kiện tưới tiêu.

- Chịu tác động rất lớn bởi những điều kiện tự nhiên, bất lợi của thời tiết thiên tai, bão lũ, hạn hán, lượng mưa hàng năm nên năng suất bình quân thấp, bắp bênh.

- Những vùng mới khai thác, trình độ, kinh nghiệm và điều kiện kinh tế của dân cư rất hạn chế do mới di cư vào nên hiệu quả trồng mía còn hạn chế.

- Hạ tầng kỹ thuật không đồng bộ, hệ thống thủy lợi, giao thông còn rất khó khăn cho việc xây dựng vùng nguyên liệu.

- Sự cạnh tranh giữa các nhà máy, giữa cây mía và các cây trồng khác còn diễn ra gay gắt làm giảm tính bền vững của vùng nguyên liệu.

- Máy móc, thiết bị mới được cải tạo, chưa đồng bộ nên an toàn thiết bị chưa cao, gia tăng nhiều chi phí sản xuất, thời gian sản xuất tác động lớn đến vùng nguyên liệu.

2.4. NHỮNG ƯU ĐIỂM VÀ HẠN CHẾ CỦA CÔNG TÁC XÂY DỰNG VÙNG NGUYÊN LIỆU TẠI CÔNG TY.

2.4.1. Ưu điểm:

- Đã khảo sát, xây dựng và phê duyệt thành công quy hoạch vùng nguyên liệu (Quyết định số 3911/QĐ-UBND ngày 31/12/2009 của UBND Tỉnh Đắk Lắk), với quy mô đáp ứng đủ cho dự án công suất 2.500TMN.

- Xây dựng được vùng nguyên liệu tập trung, gần nhà máy, có chất lượng đã và đang là vùng nguyên liệu thuộc hạng tốt của cả nước. Từ 2006 đến nay, cơ bản đã đáp ứng đủ nguyên liệu để phát huy tối đa năng lực thiết bị hiện có.

- Từ sau cổ phần hóa đến nay, do liên tục có lãi, có điều kiện tích lũy lớn cho đầu tư phát triển, công ty đã chú trọng phát huy năng lực lõi của mình là sản xuất đường nên đã tập trung vốn cho đầu tư cải tiến công nghệ, thay mới thiết bị đã đạt công suất trung bình khá cả nước; Tập trung cho đầu tư nông nghiệp tạo niềm tin cho người trồng mía trong vùng nguyên liệu an tâm mở rộng diện tích.

- Hàng năm, đã tạo việc làm cho khoảng 7.000 lao động trong vùng, ngày công lao động đạt từ 120 đến 250 ngàn đồng/ngày. Tạo ra nguồn thu nhập trên 250 tỷ đồng/năm cho người nông dân và các tác nhân tham gia vận chuyển, dịch vụ nông nghiệp... làm gia tăng giá trị cây mía trong chuỗi giá trị ngành hàng mía đường.

- Làm tốt công tác quan hệ với địa phương trong việc xây dựng vùng nguyên liệu. Góp phần đáng kể đến phát triển kinh tế-xã hội, ổn định an ninh, chính trị của địa phương. Ví dụ: những xã Eapil, CuBrao, EaMlai, Krôngzin, huyện MĐrăc và Eaty, CuPrông, huyện Eakar trước đây là đất trồng, đòi trợ, đồng cỏ khô cần thuộc thảo nguyên MĐrăc nay đã được phủ xanh bằng cây mía là các xã có tốc độ phát triển kinh

tế nhanh nhất huyện, người dân có việc làm, thu nhập ổn định từ đó an ninh trật tự xã hội được tăng cường.

- Các chính sách đầu tư phát triển và thu mua nguyên liệu của công ty không ngừng đổi mới và hoàn thiện, bổ sung kịp thời để phù hợp với tình hình biến động trong sản xuất và kinh doanh. Các chính sách này đã phát huy hiệu quả để tạo ra sự ổn định và phát triển cho vùng nguyên liệu mía của công ty. Hạn chế được rất nhiều nguy cơ phá bỏ mía để trồng cây khác của hộ trồng mía.

2.4.2. Hạn chế

- Năng suất mía còn thấp so với tiềm năng hiện có của vùng nguyên liệu. Trong 5 năm qua, năng suất trung bình dao động từ 45 đến 52 tấn/ha. Diện tích và sản lượng mía nguyên liệu của công ty có sự thay đổi tăng giảm qua các năm. Chưa tạo ra sự ổn định cao về vùng nguyên liệu của công ty

- Công tác khuyến nông còn bộc lộ nhiều yếu kém. Mục tiêu xây dựng vùng nguyên liệu là cung ứng đủ mía cho sản xuất theo 2 hướng phát triển đủ diện tích và tăng năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản xuất mía nhưng cả 3 yếu tố quan trọng cải tiến chất lượng nguồn nguyên liệu là giống-thủy lợi- cơ giới hóa lại chưa được quan tâm đúng mức.

- Công tác trồng rải vụ còn rất hạn chế, việc trồng mía chỉ tập trung vào một thời gian ngắn nên việc thừa nguyên liệu cục bộ trong những tháng cao điểm (tháng 2 và 3 hàng năm) thường xuyên xảy ra gây áp lực cho sản xuất, làm giảm hiệu quả chế biến.

- Cơ sở vật chất vùng nguyên liệu chưa tương xứng với tiêu chuẩn một vùng nguyên liệu ổn định và bền vững. Thiếu các công trình thủy lợi để cung cấp nước tưới nên năng suất mía không cao. Hệ thống giao thông nội vùng kém, không đồng bộ nên dù gần Nhà máy nhưng chi phí vận chuyển còn cao.

- Tình trạng thiếu công lao động khi vào vụ thu hoạch càng ngày càng cao nên giá nhân công thuộc loại đắt nhất so với các nhà máy xung quanh.

- Trong những năm qua, công ty áp dụng phương thức mua xô, nên không khuyến khích được người dân tập trung vào những giống mía có chất lượng cao, cơ cấu bón phân hợp lý để tăng hàm lượng đường trong mía.

- Việc thực hiện hợp đồng tiêu thụ nông sản vẫn còn bộc lộ những hạn chế từ 2 phía.

Giá cả thu mua mía nguyên liệu của công ty còn thấp hơn khi so sánh với các công ty trong vùng- những đối thủ cạnh tranh nguyên liệu. Công tác đầu tư, thu mua, vận chuyển còn nhiều bất cập cần khắc phục. Người dân chưa thực sự sòng phẳng trong việc thực hiện tuân thủ những điều khoản về tiêu chuẩn chất lượng, bán sản phẩm, trả đủ nợ theo hợp đồng với Công ty....

2.4.3. Nguyên nhân của những hạn chế

2.4.3.1. Nguyên nhân khách quan

- Dưới tác động của khủng hoảng kinh tế thế giới, hiện nay giá cả các đầu vào để sản xuất nông nghiệp cũng như sản xuất mía như: Phân bón, thuốc phòng trừ sâu bệnh, giá nhân công lao động, giá nhiên liệu tăng cao, gây khó khăn cho người trồng mía.

- Thời tiết khí hậu rất khắc nghiệt đã tác động đến hiệu quả sản xuất mía. Qua kiểm chứng về năng suất từng vụ cho thấy năng suất mía phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện tự nhiên như mưa, lũ lụt, hạn hán.

- Ở những vùng mới khai thác, người trồng mía đa số là đồng bào dân tộc, dân trí thấp, đời sống còn nghèo, ít vốn đầu tư và chưa có ý thức tư duy sản xuất hàng hóa, trình độ thâm canh cây mía còn rất thấp làm cho năng suất mía khu vực thấp, hiệu quả người trồng mía chưa cao, còn nhiều hộ muốn trồng mía nhưng không có vốn để trồng mía hoặc không đủ điều kiện thế chấp để vay vốn.

- Địa hình không thuận lợi cho việc áp dụng cơ giới hóa canh tác mía và xây dựng hệ thống thủy lợi, kênh mương tưới tiêu.

2.4.3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Công tác giống không cơ bản. Việc du nhập, khảo nghiệm và chuyển giao giống mới cho nông dân đã được công ty quan tâm nhưng kết quả còn hạn chế do thiếu nước, không đáp ứng được các điều kiện thâm canh nên các giống mới không phát huy được hết tiềm năng. Công ty chưa có trạm khảo nghiệm giống và bộ phận chuyên trách nên việc tổ chức quảng bá, nhân và chuyển giao giống mới chưa đạt hiệu quả cao, hệ số nhân trồng rất chậm.

- Công tác tuyên truyền khuyến nông kỹ thuật trồng mía cho nông dân làm được rất ít, Công ty không trích nguồn kinh phí thường xuyên, hàng năm không mở lớp tập huấn cho nông dân. Chưa xây dựng các mô hình thâm canh để tuyên truyền mở rộng được, việc tham quan học tập kinh nghiệm từ các nhà máy đường khác được tiến hành rất hạn chế.

- Người nông dân chưa thực sự quan tâm đến kỹ thuật trồng, chăm sóc mía, mật độ trồng có nơi quá dày, chế độ bón phân, vệ sinh đồng ruộng chưa phù hợp. Cán bộ kỹ thuật nông nghiệp chuyên môn còn có những hạn chế, chưa làm tốt được công tác khuyến nông và chỉ đạo kỹ thuật cho dân.

- Cán bộ làm công tác nông vụ, nghiệp vụ chuyên môn một số người chưa thực sự công tâm, hạn chế về chuyên môn, đạo đức nên vẫn còn xảy ra nhiều bất cập, những thiếu sót trong công tác đầu tư, thu hoạch, vận chuyển, tiếp nhận mía ảnh hưởng không tốt đến mối quan hệ giữa công ty với người trồng mía.

- Do năng lực thiết bị chưa đồng bộ, mới đầu tư lớn nâng cấp, cải tạo nên tỷ lệ thu hồi mía/đường còn cao, chi phí khấu hao lớn, giá thành sản xuất đường cao nên giá mua mía của Công ty thấp hơn so với các đối thủ cạnh tranh trong vùng. Yếu tố về giá mía, sự cạnh tranh nguyên liệu không lành mạnh, áp lực thu hoạch cũng là nguyên nhân dẫn đến việc một số người trồng mía không thực hiện đầy đủ hoặc phá bỏ hợp đồng đã ký kết với Công ty.

- Kinh phí đầu tư cơ sở vật chất vùng nguyên liệu còn quá ít, sửa chữa đường giao thông hàng năm còn mang tính chấp vá, không có chiều sâu. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình thủy lợi nhỏ công tác cho đào ao chống hạn, chủ động nước tưới không đáng kể, không thường xuyên. Chưa xây dựng chương trình hỗ trợ vốn, lãi suất cho người trồng mía trang bị máy móc nông cụ để cơ giới hóa canh tác.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU MÍA CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG 333

3.1. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU GIAI ĐOẠN NĂM 2011-2015.

3.3.1. Kế hoạch phát triển vùng nguyên liệu.

Dự án nâng công suất giai đoạn 1 từ 800TMN lên 1.800 TMN đã đi vào hoạt động tháng 12/2010. Giai đoạn 2 lên 2.500TMN dự kiến hoàn thành hoạt động vào tháng 12/2011. Từ năm 2012 đến hết 2015 công suất ép ổn định 2.700TMN. Sau 2015 tiếp tục nâng công suất lên 3.500 đến 4.000TMN. Theo đó, diện tích mía cũng tăng lên tương ứng.

Bảng 3.1 : Kế hoạch đầu tư vùng nguyên liệu từ 2011-2015

T	Chỉ tiêu	ĐV	Vụ	Vụ	Vụ	Vụ	Vụ
T		T	11/12	12/13	13/14	14/15	15/16
1	Diện tích mía đầu tư	ha	6.000	6.200	6.500	6.500	7.500
	Trong đó: Trồng mới	ha	2.600	1.400	1.500	2.300	2.200
	Lưu gốc	ha	3.400	4.800	5.000	4.200	5.300
2	Dự toán GT đầu tư	Tr.đ	90.400	85.600	90.000	109.400	122.600
3	S.lượng mía ép sạch	Tấn	300.000	324.000	337.500	357.500	385.000
4	Mía giống		15.000	15.000	23.000	22.000	25.000
5	Năng suất BQ	Tấn/ha	55	57	60	65	65
6	Chữ đường BQ	CCS	12	>12	>12	>12	>12
7	S.lượng đường S.xuất	Tấn	30.900	33.400	35.100	37.100	39.200
8	Công suất ép	TMN	2.500	2.700	2.700	2.700	2.700
9	Số ngày ép tối thiểu	Ngày	120	120	125	130	140

(Nguồn : Báo cáo hoạt động SXKD nhiệm kỳ I & Phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ II của HĐQT tại đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011).

Mục tiêu: Đầu tư trồng mới, chăm sóc vùng nguyên liệu mía trên cơ sở diện tích đã được quy hoạch đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định cho dự án mở rộng công suất Nhà máy đường lên 2.500 TMN – 3.500 TMN trong giai đoạn 2011-2016. Trước mắt tập trung cho vụ 11/12 đạt tối thiểu 5.700 ha với sản lượng đưa vào chế biến từ 300.000

tấn trở lên. Hướng tới mục tiêu từ năm 2012 - 2016 ở mức 6.500 – 7.500 ha mía; Năng suất BQ > 57 tấn/ha, chữ đường bình quân >12CCS

3.3.2. Lộ trình thực hiện

Đến 30/7/2011 Diện tích đã đầu tư: 5.931 ha. Chuẩn bị đủ 300.000 tấn mía cho vụ ép 2011/2012 dự kiến đi vào hoạt động từ 5/12/2011 với công suất 2.500TMN.

- Đầu tư vụ 2011/2012 chuẩn bị nguyên liệu cho vụ 2012/2013:

+Thời gian: Tháng 11,12/2011 đến 6/2012

+ Diện tích: 6.000 ha.Trong đó: Trồng mới 2.600 ha; Lưu gốc 3.400 ha

+ Suất đầu tư: Trồng mới 20 triệu đồng/ha; Lưu gốc 12 triệu đồng/ha

+ Dự kiến sản lượng mía NL: 324.000 tấn. Công suất : 2.700TMN

- Đầu tư vụ 2012/2013 chuẩn bị nguyên liệu cho vụ 2013/2014:

+Thời gian: Tháng 11,12/2012 đến 6/2013

+ Diện tích: 6.200 ha.Trong đó: Trồng mới 1.400 ha; Lưu gốc 4.800 ha

+ Suất đầu tư: Trồng mới 20 triệu đồng/ha; Lưu gốc 12 triệu đồng/ha

+ Dự kiến sản lượng mía NL: 337.000 tấn. Công suất : 2.700TMN

- Đầu tư vụ 2013/2014 chuẩn bị nguyên liệu cho vụ 2014/2015:

+Thời gian: Tháng 11,12/2013 đến 6/2014

+ Diện tích: 6.500 ha.Trong đó: Trồng mới 1.500 ha; Lưu gốc 5.000 ha

+ Suất đầu tư: Trồng mới 20 triệu đồng/ha; Lưu gốc 12 triệu đồng/ha.

+ Dự kiến sản lượng mía NL: 357.000 tấn. Công suất : 2.700TMN

- Đầu tư vụ 2014/2015 chuẩn bị nguyên liệu cho vụ 2015/2016:

+Thời gian: Tháng 11,12/2014 đến 6/2015

+ Diện tích: 6.500 ha.Trong đó: Trồng mới 1.500 ha; Lưu gốc 5.000 ha

+ Suất đầu tư: Trồng mới 22 triệu đồng/ha; Lưu gốc 14 triệu đồng/ha.

+ Dự kiến sản lượng mía NL: 385.000 tấn. Công suất : 2.700TMN

- Đầu tư vụ 2015/2016 chuẩn bị nguyên liệu cho vụ 2016/2017:

+Thời gian: Tháng 11,12/2015 đến 6/2016

+ Diện tích: 7.500 ha.Trong đó: Trồng mới 2.200 ha; Lưu gốc 5.300 ha

+ Suất đầu tư: Trồng mới 22 triệu đồng/ha; Lưu gốc 14 triệu đồng/ha

+ Dự kiến sản lượng mía NL: 455.000 tấn. Công suất : 3.500TMN

Bố trí trồng mới vụ đông xuân (tháng 11, 12 hàng năm): 70%, Hè thu (tháng 5, 6): 30%

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU

3.2.1. Công tác quy hoạch vùng nguyên liệu

(Cần nêu cụ thể diện tích và địa bàn quy hoạch trồng mía)

Vùng nguyên liệu của công ty đã được điều chỉnh quy hoạch theo quyết định số 3911/QĐ-UBND ngày 31/12/2009 của UBND Tỉnh Đắk Lắk.

Thành lập ban điều hành quy hoạch của Công ty có sự phối hợp, tham gia của chính quyền địa phương cấp huyện. Phối hợp cùng chính quyền địa phương phân định rõ ranh giới vùng nguyên liệu cho từng nhà máy để các nhà máy chủ động xây dựng kế hoạch và có chiến lược đầu tư lâu dài cho vùng nguyên liệu của mình; Thực hiện công khai quy hoạch, tuyên truyền vận động nhân dân trong vùng thực hiện mở rộng diện tích theo quy hoạch được duyệt, trồng và bán mía cho công ty theo hợp đồng, không bán mía cho công ty khác.

Trên cơ sở của quy hoạch, ban điều hành xác định các hạng mục cần ưu tiên đầu tư, lập lộ trình thực hiện, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện cho Hội đồng quản trị, đề xuất các phương án điều chỉnh thích hợp theo quan điểm và mục tiêu phát triển của quy hoạch.

3.2.2. Tăng cường mối quan hệ mật thiết, gắn bó giữa Công ty với người trồng mía trong vùng nguyên liệu.

Thời gian qua, Quyết định 80/2002/QĐ-TTg đã phát huy tác dụng tích cực, tạo mối quan hệ gắn kết giữa Công ty và người trồng mía, góp phần ổn định và phát triển vùng nguyên liệu. Tiếp tục tuyên truyền, vận động người trồng mía ký kết và thực hiện đầy đủ hợp đồng đầu tư, hợp đồng mua bán mía với công ty. Mục tiêu hàng năm có trên 95% diện tích mía trong vùng ký kết hợp đồng đầu tư.

Từ việc tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện hợp đồng hàng năm: sửa đổi, hoàn thiện hợp đồng chặt chẽ, cụ thể, dễ hiểu, đúng pháp luật theo tinh thần quyết định 80 trên nguyên tắc đảm bảo hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp chế biến mía đường và người trồng mía.

Kết hợp hài hòa lợi ích giữa Công ty và người trồng mía biểu hiện ở việc phân chia lợi nhuận hợp lý, xác lập mối quan hệ mật thiết tạo điều kiện để cùng nhau chia sẻ rủi ro, cùng tồn tại và phát triển, ở vai trò “bà đỡ” của Công ty đối với nông dân.

Vai trò đó cần cụ thể qua các chính sách:

- Ban hành chính sách đầu tư, thu mua hợp lý, tạo điều kiện tốt nhất để người dân trồng và bán mía cho Công ty. Hàng năm giá mua mía có 10CCS tại ruộng tương đương 60Kg đường kính trắng tại kho Nhà máy theo khuyến cáo của Bộ NN& PTNT kèm theo chính sách hỗ trợ giá mua, lãi suất mía thu hoạch cuối vụ để bảo đảm người trồng mía và doanh nghiệp đều có lãi. Tạo mọi điều kiện để mọi người dân trong vùng tiếp cận được vốn đầu tư của công ty trên nguyên tắc vay và trả nợ đúng hạn, thực hiện đúng hợp đồng.

- Có chính sách khen thưởng những hộ sản xuất giỏi bằng tiền, hiện vật để nhân rộng những điển hình nông dân sản xuất giỏi. Hỗ trợ vốn cho người trồng mía ứng dụng kỹ thuật canh tác mới, giống mới nhằm tăng năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản xuất mía để tăng lợi nhuận.

- Hướng dẫn kỹ thuật, tổ chức tập huấn hàng năm về ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào sản xuất cho người nông dân.

3.2.3. Hệ thống các chính sách hỗ trợ phát triển

Chính sách đầu tư phát triển trồng mía là những cam kết của công ty đối với người trồng mía và các địa phương trồng mía. Chính sách đầu tư phát triển vùng mía phải được đổi mới theo hướng lấy chính sách đầu tư phát triển mía làm công cụ chủ yếu để điều tiết, quản lý quá trình phát triển vùng nguyên liệu mía, khuyến khích người nông dân chuyển đổi cây trồng sang trồng mía, thực hiện thâm canh nâng cao năng suất và chất lượng mía. Khuyến khích các cấp chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị- xã hội khác phối hợp tham gia vận động nông dân trồng mía, xây dựng và bảo vệ vùng nguyên liệu.

Ngoài những chính sách đã được bổ sung, hoàn thiện ban hành từng năm bằng quy chế như: chính sách đầu tư, thu mua, (giá mua, phương thức mua, vận chuyển ...), chính sách hỗ trợ cho người trồng mía có năng suất, chất lượng cao, hỗ trợ cho chính quyền địa phương, cho các HTX, cán bộ làm công tác nông vụ . Tiếp tục nghiên cứu ban hành các chính sách xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu :

+ Chính sách hỗ trợ chuyển đổi cây trồng từ 1 đến 1,5 triệu/ha cho người trồng mía.

+ Hỗ trợ 50% vốn cho người trồng mía đào ao chủ động nước tưới.

+ Cho vay dài hạn và hỗ trợ một phần vốn và lãi suất mua máy áp dụng cơ giới hóa , áp dụng biện pháp canh tác mía mới cho các hộ trồng mía, các HTX mía.

+ Chính sách hỗ trợ nhân giống mới cho các hộ có kinh nghiệm sản xuất để nhân nhanh các giống mía đã qua khảo nghiệm cơ bản.

Các chính sách phát triển vùng nguyên liệu cần rõ ràng, cụ thể, dễ hiểu trong từng điều khoản, có kế hoạch về việc xây dựng chính sách trong dài hạn, được công bố trước và rộng rãi cho người dân trong vùng tiếp cận sớm để tích cực tham gia.

3.2.4. Hoàn thiện công tác đầu tư, thu mua, vận chuyển, thu hồi nợ.

Trên cơ sở quy chế đã ban hành, tiếp tục hoàn thiện sửa đổi để hoàn thiện công tác đầu tư, thu mua, vận chuyển, thu nợ.

- Tăng suất đầu tư phù hợp với tình hình biến động của vật tư, phân bón nhân công để người trồng có điều kiện thâm canh, tăng năng suất. Mở rộng điều kiện nhận đầu tư, về mức tín chấp, thế chấp bảo lãnh thực hiện hợp đồng để nhiều hộ trồng mía có điều kiện tiếp cận được với nguồn vốn đầu tư của Công ty.

- Áp dụng liên tục, nhất quán phương thức mua mía theo chữ đường. Đây là hình thức thu mua khoa học, khắc phục được các nhược điểm của hình thức thu mua xô, hướng người trồng mía canh tác theo hướng nâng cao chất lượng. Tuy nhiên, cần xây dựng khuôn mẫu và tiêu chuẩn đo lường cụ thể, rõ ràng để người bán mía không hoài nghi về phương thức thu mua này.

- Nâng cao năng lực quản lý sản xuất, năng lực chế biến về máy móc thiết bị, nâng hiệu suất tổng thu hồi, tiết kiệm chi phí để hạ giá thành sản xuất đường để có điều kiện tăng giá mua mía, giá mua không thấp hơn các nhà máy trong khu vực trên cơ sở khuyến cáo giá của Bộ Nông nghiệp & PTNT, Hiệp hội mía đường Việt Nam. Giá mua mía đảm bảo cạnh tranh, kết hợp bảo hiểm chữ đường, công bố giá tối thiểu để giảm rủi ro cho người trồng mía, đảm bảo cho người trồng mía có lãi > 30%./ giá thành sản xuất mía.

- Cải tiến công tác xếp lịch đốn, ứng dụng tin học trong việc phân bổ lịch đốn theo các dữ liệu khoa học nhằm tránh các hiện tượng tiêu cực, tạo công bằng để đưa mía chín, có chất lượng về chế biến, hạn chế mía non, mía quá tuổi chín, mía kém chất lượng do đốn dư, đốn quá thời gian không kịp vận chuyển. Tạo ra sự chủ động cho người trồng mía trong quá trình thu hoạch.

- Sử dụng xe trọng tải lớn để giảm chi phí vận chuyển, hợp đồng xe vừa đủ nhu cầu có tính đến hệ số dự phòng, đảm bảo hệ số quay vòng xe 1,7 chuyến/ngày nhằm tăng thu nhập cho chủ phương tiện tham gia ký hợp đồng với Công ty, kết hợp tăng

cường chế tài thưởng phạt theo hợp đồng từ đó hạn chế đến mức tối đa hiện tượng lái xe những chiếc, vòi vĩnh người trồng mía trong quá trình vận chuyển.

- Xây dựng và ban hành phương án thu hồi vốn đầu tư hợp lý, xác định tỷ lệ thu, thời hạn thu có tính đến doanh thu và lợi nhuận của hộ trồng mía hàng năm theo chu kỳ của cây mía.

Về công tác xử lý nợ tồn đọng: Hàng năm sau khi kết thúc vụ sản xuất rà soát, đối chiếu, phân loại đề ra các biện pháp xử lý giải quyết nợ tồn đọng như phạt, bồi thường, tái đầu tư, khởi kiện... để thu hồi triệt để, nhằm đảm bảo tính pháp lý, hiệu lực của hợp đồng từ đó hạn chế tối đa tỷ lệ nợ xấu, bảo toàn nguồn vốn đầu tư.

3.2.5. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất vùng nguyên liệu.

Xây dựng cơ sở vật chất để phục vụ cho phát triển vùng nguyên liệu là việc làm hết sức cần thiết. Việc này tạo điều kiện cho vùng nguyên liệu phát triển, tăng khả năng thâm canh nâng cao năng suất và chất lượng mía.

3.2.5.1. Công trình thủy lợi:

Do địa hình chủ yếu trong vùng nguyên liệu là đồi bát úp, dốc thoải nên không thể đầu tư hệ thống kênh mương tưới chủ động cho mía. Giải pháp hiệu quả nhất là đào ao chứa nước ở khu vực có các hợp thủy nhằm sử dụng nước mưa, nước ngầm để tưới bổ sung cho mía vào mùa khô và chủ động nước để trồng rải vụ. Hàng năm đầu tư 20 -30 ao ở các vị trí thích hợp.

Yêu cầu kỹ thuật : Chọn vị trí thấp, gần hợp thủy để tận dụng nước ngầm, tăng dung tích chứa nước. Diện tích mỗi ao 600 – 700m², sâu 6- 7m chứa trên 4.000m³ có thể tưới bổ sung cho 2,5 đến 3 ha mía.

Suất đầu tư trung bình 20 triệu đồng/ao. Công ty hỗ trợ 50%, 50% Công ty ứng vốn và khấu trừ vào vụ mía liền kề.

Qua kiểm chứng thực tiễn, mía có tưới bổ sung năng suất tăng thêm từ 25 đến 30%.

Theo khảo sát, hiện nay có đến hơn 600 vị trí có thể đào ao chứa nước. Cùng với sự đầu tư, hỗ trợ của công ty, một số hộ có khả năng tự đầu tư và định hướng đầu tư công trình thủy lợi, kênh mương trong kế hoạch phát triển của địa phương ở vùng đất bằng, ven sông suối, đến 2015 có trên 60% diện tích mía chủ động nước tưới trong vùng nguyên liệu.

3.2.5.2. Hệ thống giao thông nội đồng:

Mía là loại cây trồng có sinh khối rất lớn, chi phí vận chuyển về nhà máy cao, cần xây dựng hệ thống giao thông trong vùng nguyên liệu phục vụ cho việc thu hoạch và vận chuyển mía nguyên liệu dễ dàng, giảm chi phí vận chuyển.

Hiện nay, hệ thống đường giao thông liên tỉnh, liên huyện, liên xã cơ bản đã được Nhà nước đầu tư. Hàng năm, Công ty trích kinh phí 1 đến 1,5 tỷ đồng đầu tư cho hệ thống giao thông nội đồng, trong đó 30% để tu bổ, khắc phục đường giao thông hư hỏng do mưa bão làm sạt lở. 70% để kiên cố hóa từng tuyến nội đồng trực chính trong tổng số 25 tuyến nội đồng trực chính trong vùng.

3.2.5.3. Xây dựng trại thực nghiệm giống và biện pháp canh tác:

+ Chức năng, nhiệm vụ : Du nhập, khảo nghiệm, nhân giống mía mới có tính ưu việt về năng suất, chất lượng để thay dần các giống hiện có; Khảo nghiệm kỹ thuật canh tác, khảo nghiệm về thời vụ trồng, về phân bón, về cơ giới hóa, bảo vệ thực vật nhằm tìm ra quy trình tốt nhất cho vùng nguyên liệu của Công ty.

+ Quy mô diện tích, vốn đầu tư: Diện tích 20 ha. Tổng vốn đầu tư ban đầu 7 tỷ đồng, trong đó: Xây dựng cơ bản 4 tỷ, trang bị nông cụ 2 tỷ, vốn khác 1 tỷ.

+ Tổng cộng vốn đầu tư cơ sở vật chất vùng nguyên liệu: Cho năm đầu 9 tỷ đồng; Đầu tư hàng năm cho các năm tiếp theo 2,5 tỷ đồng/năm.

3.2.6. Giải pháp kỹ thuật, công nghệ thâm canh tăng năng suất

3.2.6.1. Về công tác giống:

- Khảo nghiệm giống cơ bản hàng năm từ 8-10 giống, chọn ra 2-3 giống khảo nghiệm sản xuất sau đó nhân rộng. Lựa chọn các hộ nông dân, các HTX có kinh nghiệm sản xuất, có điều kiện tưới để sản xuất giống thương phẩm. Xây dựng các cơ sở nhân giống mía rải đều trên toàn vùng để chủ động sản xuất và cung ứng đủ giống mía có chất lượng tốt cho sản xuất đại trà.

- Tiếp tục hợp tác, tiếp nhận các loại giống mía mới ở các trung tâm nghiên cứu & phát triển mía đường, với các nhà máy trong khu vực để nhập các loại giống mới đã qua khảo nghiệm cơ bản, tiếp tục nhân rộng trên toàn địa bàn.

- Bố trí thời vụ trồng và cơ cấu giống chín sớm, chín trung bình, chín muộn theo tỷ lệ 25%- 45% - 30% để rải vụ, giảm tình trạng thiếu mía đầu và cuối vụ, thừa mía giữa vụ. Đảm bảo thời gian ép trung bình 140 ngày/vụ.

- Bố trí giống mía theo hướng kết hợp các giống chịu hạn tại các vùng không có nước tưới với các giống thâm canh năng suất cao tại các vùng có nước tưới.

3.2.6.2. Về kĩ thuật canh tác:

- Khảo nghiệm các biện pháp canh tác : Sử dụng cày ngầm làm đất, trồng mía hàng đôi rạch hàng bằng máy kết hợp chăm sóc mía bằng máy cơ giới nhỏ, tưới ngầm, bón phân hợp lý, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, nuôi và phóng thích bọ đuôi kim

- Căn cứ vào bản đồ quy hoạch, phân loại đất trong vùng nguyên liệu của Phân viện quy hoạch Miền Trung, tiến hành phân tích đất để đặt hàng sản xuất phân bón NPK hoặc lập bảng cơ cấu phân đơn phù hợp theo kinh nghiệm của Xí nghiệp mía Thành Long – Công ty đường Biên Hòa, Công ty đường Buorbon Tây Ninh.

Bón đủ phân cho mía theo quy trình, tăng cường sử dụng phân hữu cơ vi sinh, áp dụng biện pháp bấm vùi lá mía sau thu hoạch để bổ sung chất hữu cơ cải tạo đất.

- Từng bước áp dụng công nghệ cao trong canh tác mía như: trồng mía bầu, sử dụng màng phủ nông nghiệp, đầu tư thử nghiệm các hệ thống tưới nhỏ giọt , tưới nổi, dàn tưới phun...

3.2.6.3. Về cơ giới hóa :

Địa hình trong vùng nguyên liệu không thuận lợi cho việc cơ giới hóa toàn bộ quy trình canh tác từ trồng mía đến thu hoạch bằng máy. Qua khảo sát, tham quan và tập huấn chương trình cơ giới hóa tại các nhà máy đường ở Tây Ninh, Gia lai, Ninh Hòa... đối chiếu với thực tế tại vùng nguyên liệu của Công ty, trước mắt tập trung ưu tiên khảo nghiệm biện pháp cày sâu, cày ngầm làm đất, trồng mía hàng đôi kết hợp chăm sóc giữa hàng bằng máy kéo loại nhỏ để làm cỏ, vun luống, bón phân, phun thuốc bằng máy nhằm giảm chi phí sản xuất, khắc phục tình trạng khan hiếm lao động.

Đầu tư hoặc hỗ trợ vốn mua sắm các thiết bị để tổ chức khảo nghiệm cơ giới hóa:

- Dàn cày ngầm liên hợp với máy kéo công suất lớn
- Cày đĩa xới sâu CDX-3-30 liên hợp với máy kéo công suất lớn
- Thiết bị rạch hàng đôi liên hợp với máy kéo công suất lớn của Xí nghiệp Thành

Long

- Máy kéo nhỏ 4 bánh chủ động công suất 18-20HP và các thiết bị kèm theo: máy bón phân 3 chức năng, máy phay làm cỏ, thiết bị vun luống của Viện cơ điện NN& công nghệ sau thu hoạch.

- Máy trồng mía bán thủ công của XN Thành Long – Tây Ninh

3.2.6.4. Công tác tập huấn & khuyến nông:

- Liên kết với Trung tâm nghiên cứu Mía đường (Bến Cát- Bình Dương) tổ chức chương trình tập huấn về nghiệp vụ quản lý nông vụ, giống mía, kỹ thuật canh tác, phòng trừ quản lý sâu bệnh, cỏ dại... để nâng cao năng lực quản lý, trình độ chuyên môn của đội ngũ CB CNV nông vụ, các HTX trồng mía. Mục tiêu phấn đấu mỗi cán bộ làm công tác nông vụ là một khuyến nông viên đủ năng lực, trình độ trực tiếp hướng dẫn kỹ thuật cho người trồng mía.

-Liên tục tổ chức các cuộc thảo đầu bờ để tuyên truyền, hướng dẫn, chuyên giao kịp thời những tiến bộ khoa học về giống, kỹ thuật canh tác, phòng trừ sâu bệnh, cỏ dại cho người trồng mía.

- Lập kế hoạch và liên hệ với các trung tâm khuyến nông để xin kinh phí, kết hợp nguồn kinh phí của Công ty xây dựng mô hình trồng mía tập trung chất lượng cao, hướng dẫn chuyên giao kỹ thuật cho người trồng mía.

3.2.7. Giải pháp chống cạnh tranh nguyên liệu

- Phối hợp với các cấp chính quyền địa phương để giúp Công ty quản lý nguyên liệu và chống tranh mua tranh bán trong vùng nguyên liệu đã được quy hoạch.

- Phối hợp cùng chính quyền các cấp từ Tỉnh đến huyện và xã, cùng với các Công ty đường có quy hoạch trong Tỉnh phân định rõ ranh giới vùng nguyên liệu cho từng Công ty, đề ra những nguyên tắc ứng xử chung giữ các Công ty trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quy hoạch đã được phê duyệt.

- Nâng cao năng lực sản xuất, tiết kiệm chi phí sản xuất để có điều kiện mua mía với giá cạnh tranh so với các đối thủ cạnh tranh trực tiếp trong vùng.

- Tổ chức lực lượng bảo vệ vùng nguyên liệu từ nòng cốt lực lượng tự vệ phối hợp với chính quyền địa phương tuần tra, bảo vệ mía vào những lúc cao điểm thu hoạch để chống thất thoát nguyên liệu.

3.2.8. Phân bổ các nguồn lực hiện có để thực hiện đề án phát triển vùng nguyên liệu.

Về nguồn nhân lực :

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực bằng cách: Cải tiến các chế độ về tiền lương, thù lao theo hướng tăng lên để tạo động lực khuyến khích lực lượng làm công tác nông vụ kèm theo các chế tài thưởng phạt, xây dựng quy chế khen thưởng, kỷ luật nghiêm minh để hạn chế tối đa những tiêu cực, những nhiễu trong việc thực hiện nhiệm vụ. Tổ chức rà soát lực lượng cán bộ làm công tác nông vụ, kiểm điểm đánh giá

năng lực, trách nhiệm, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng thành viên từ đó xây dựng kế hoạch đào tạo, đào tạo lại, bổ sung, thay thế để tạo ra một lực lượng đủ mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Lập kế hoạch tuyển dụng thêm từ 2 đến 3 cán bộ kỹ thuật nông nghiệp, trẻ, khỏe được đào tạo chuyên ngành để tăng cường công tác kỹ thuật nông nghiệp

- Mở rộng thêm hệ thống cán bộ địa bàn có trình độ quản lý, am hiểu chuyên môn về cây mía để khai thác diện tích mới trong vùng .

Về tài chính :

- Nguồn kinh phí đầu tư phát triển diện tích mía hàng năm (> 90 tỷ đồng/năm) 50% từ nguồn vốn chủ sở hữu đã đầu tư ra vùng nguyên liệu, lập kế hoạch thu để tái đầu tư; 50% lập dự án tiếp cận vốn vay của các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng.

- Kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật vùng nguyên liệu (3 tỷ đồng/ năm): Sử dụng quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp.

- Các chi phí hỗ trợ khác thực hiện trong quá trình sản xuất bằng vốn lưu động.

3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

3.3.1. Kiến nghị Với chính quyền trung ương, với Bộ Nông nghiệp & PTNT

- Kiến nghị về việc xây dựng trạm nghiên cứu mía đường ở Tây nguyên để lai tạo, du nhập để nhân nhanh các giống mía phù hợp với điều kiện tự nhiên của khu vực các tỉnh vùng cao.

- Trên cơ sở quyết định 26/2007/QĐ - TTg ngày 15/2/2007V/v phê duyệt quy hoạch phát triển mía đường đến 2010 và định hướng đến 2020; quyết định 80/2002 ngày 24/6/2002 về chính sách khuyến khích tiêu thụ nông sản hàng hoá thông qua hợp đồng của thủ tướng chính phủ. Hỗ trợ kinh phí cho việc triển khai các dự án giống mía , dự án đẩy mạnh cơ giới hoá khâu làm đất và thu hoạch mía. Đầu tư xây dựng các hệ thống giao thông trục chính, hệ thống thủy lợi vùng mía bởi các công trình này mang tầm quốc gia có tỷ trọng vốn lớn, địa phương và doanh nghiệp khó thực hiện được. Có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chế biến và nông dân vay vốn ưu đãi, hỗ trợ lãi suất trồng mía, mua sắm trang thiết bị cơ giới hóa.

- Kiến nghị với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nên tổ chức nhiều hơn các lớp tập huấn, bồi dưỡng đối với các cán bộ ngành mía đường để nâng cao năng lực và trình độ của các cán bộ ngành mía đường.

3.3.2. Với chính quyền địa phương (Tỉnh, Huyện)

- Chỉ đạo việc phân định ranh giới quy hoạch vùng nguyên liệu đã phê duyệt cho từng Công ty, có chế tài và biện pháp đủ mạnh để ngăn ngừa việc vi phạm quy hoạch của các đơn vị, cá nhân trong công tác đầu tư, thu mua nguyên liệu, trong việc thực hiện hợp đồng.

- Lồng ghép các nguồn vốn từ các dự án các chương trình để đầu tư hệ thống hạ tầng đến các vùng mía gắn với quy hoạch chung của địa phương.

- Các trung tâm khuyến nông tỉnh, huyện quan tâm thường xuyên và có các chương trình tập huấn kỹ thuật thâm canh tăng năng suất, phòng trừ sâu bệnh. Hỗ trợ một phần kinh phí khuyến nông cho doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Trong những năm qua, vùng nguyên liệu và công tác nông vụ của Công ty cổ phần mía đường 333 cơ bản đã đáp ứng đủ nguyên liệu cho Nhà máy hoạt động hết công suất thiết kế với chất lượng tốt. Được đánh giá là một trong những vùng nguyên liệu tốt của cả nước. Qua phân tích thực trạng và các nhân tố ảnh hưởng tác động đến vùng nguyên liệu, có thể kết luận rằng vùng nguyên liệu còn nhiều tiềm năng để phát triển, đáp ứng đủ nguyên liệu cho dự án công suất 2.500TMN, và cho định hướng công suất 4.000 TMN đến năm 2020.

Với quan điểm phát triển vùng nguyên liệu theo hướng bền vững. Những vấn đề cốt lõi của công tác xây dựng vùng nguyên liệu là:

- Quy hoạch vùng nguyên liệu tạo hành lang pháp lý, đưa ra những căn cứ khoa học làm tiền đề cho việc đầu tư chiều sâu-nền tảng cho việc phát triển bền vững vùng nguyên liệu.

- “Người nông dân có thể không trồng mía nhưng doanh nghiệp chế biến mía đường không thể không có mía” : Xây dựng mối quan hệ gắn bó, mật thiết giữa người trồng mía và Công ty trên cơ sở hài hòa lợi ích giữa Công ty, người trồng mía và xã hội.

- Phát triển nguồn mía nguyên liệu theo hai hướng, tăng diện tích và tăng năng suất. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để tăng năng suất, chất lượng theo phương châm: “Giống là tiền đề, nước phân là cơ sở, chăm sóc là quyết định”.

Qua quá trình học tập, nghiên cứu tài liệu kết hợp với thực tế làm việc tại vùng nguyên liệu, phòng nông vụ Công ty, tôi đưa ra một số giải pháp và kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện công tác quản lý, xây dựng và phát triển vùng nguyên liệu trong giai đoạn 2011-2015.

Tuy nhiên do hạn chế về trình độ và phương pháp nghiên cứu, hạn chế thông tin nên chuyên đề vẫn còn nhiều thiếu sót. Vì vậy rất mong nhận được sự góp ý, nhận xét đánh giá của quý thầy cô giáo để chuyên đề được hoàn thiện hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Cao Việt, Chuỗi giá trị ngành mía đường Việt Nam,
2. Báo cáo “Hội thảo phát triển cây mía và cây điều”, TP HCM ngày 15/2/2011
3. Bảo Trung, Nội san thông tin khoa học số 01/2011 Trường cán bộ quản lý nông nghiệp và PTNT II.